

Số: 320/BC-SCL

Hải Dương, ngày 18 tháng 03 năm 2025

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**Năm 2024**

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

**I. Thông tin chung**

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0800376530
- Vốn điều lệ: 186.608.950.000 VNĐ
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 186.608.950.000 VNĐ.
- Địa chỉ: Km 28+100m, Quốc lộ 18, phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh

Hải Dương, Việt Nam.

- Số điện thoại: 02203.580.414
- Số fax:
- Website: [www.songdacaocuong.vn](http://www.songdacaocuong.vn)
- Mã cổ phiếu (nếu có): SCL
- Quá trình hình thành và phát triển

- Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường (Công ty) tiền thân là Công ty Cổ phần Sông Đà 12 - Cao Cường thành lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0800376530 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 17 tháng 4 năm 2007, thay đổi lần thứ 16 ngày 02/01/2024. Mức vốn điều lệ ban đầu của Công ty là 30 tỷ đồng, với định hướng lĩnh vực hoạt động chính của Công ty là sản xuất tro bay. Tháng 10/2007, Công ty thực hiện chào bán riêng lẻ 2.000.000 cổ phiếu, nâng tổng vốn điều lệ lên 50.000.000.000 đồng. Cũng trong năm 2007, Công ty đã thực hiện xây dựng nhà máy tro bay đầu tiên, đặt nền móng cho sự phát triển tiếp theo.

- Năm 2008, Công ty đạt giải thưởng WIPO - Giải thưởng sáng tạo khoa học công nghệ Việt Nam dành cho Dây chuyền công nghệ sản xuất tro bay. Công ty là đơn vị đầu tiên tại Việt Nam nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, lắp đặt, hướng dẫn vận



hành, chạy thử, đào tạo và chuyển giao công nghệ dây chuyền sản xuất tro bay từ tro xỉ phế thải của Nhà máy nhiệt điện Phả Lại, bằng công nghệ tuyển ướt và sấy khô đồng bộ, hiện đại, đảm bảo năng suất, chất lượng, hiệu quả cao và bảo vệ môi trường. Đối với công nghệ xử lý tro xỉ nhiệt điện để sản xuất sản phẩm tro bay, đến nay công suất đạt trên 1.000.000 tấn/năm. Tháng 08/2008, Công ty tiếp tục chào bán riêng lẻ 1.000.000 cổ phiếu, nâng tổng vốn điều lệ lên 60.000.000.000 đồng.

- Năm 2009: Công trình Dây chuyền chế biến tro bay của Công ty được Cục Bản quyền tác giả cấp chứng nhận và được Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen.

- Năm 2010: Ngày 22/04/2010, Công ty chính thức đổi tên thành Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường. Ngày 15/09/2010, cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết trên tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Số lượng cổ phiếu niêm yết ban đầu là 9.000.000 cổ phiếu. Về sản xuất, Công ty tiến hành khởi công xây dựng nhà máy sản xuất gạch nhẹ chung áp và nhà máy sản xuất vữa khô trộn sẵn, mở rộng phạm vi cũng như quy mô kinh doanh.

- Năm 2011: Công ty đầu tư xây dựng thành công và đi vào hoạt động nhà máy sản xuất gạch nhẹ chung áp với công suất 200.000 m<sup>3</sup>/năm, đây là một trong những nhà máy lớn tại Việt Nam đi đầu trong lĩnh vực sản xuất gạch bê tông nhẹ thay thế gạch xây sản xuất bằng phương pháp nung đốt truyền thống, phù hợp với quy hoạch của Nhà nước về phát triển vật liệu xây dựng gạch xây không nung; điểm đặt biệt ở đây là Công ty sử dụng nguyên liệu từ tro xỉ của Nhà máy nhiệt điện Phả Lại qua dây chuyền xử lý để sản xuất, góp phần xử lý chất thải do nhà máy nhiệt điện thải ra.

- Năm 2012: Công ty khánh thành nhà máy sản xuất vữa khô trộn sẵn, keo dán gạch đá, keo chít mạch; đến nay nhà máy này đã được cải tiến, đạt công suất khoảng 1.300.000 tấn/năm.

- Năm 2013: Công ty nhận giải thưởng Vì môi trường xanh quốc gia, trở thành thành viên của Hội đồng Công trình xanh Việt Nam.

- Năm 2014: Công ty được cấp giấy chứng nhận Doanh nghiệp khoa học - Công nghệ.

- Năm 2016-2019: Công ty có nhiều thay đổi trong bộ máy quản trị, cơ cấu lại bộ máy quản lý, các nguồn lực được chuẩn bị và hoạch định để đáp ứng tốt yêu cầu đảm bảo phát triển bền vững, tối ưu hoạt động của công ty.

- Năm 2020: Cổ phiếu Công ty bị hủy niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 08/05/2020 và chính thức giao dịch trên sàn giao dịch UPCOM – Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội;

- Từ năm 2022 đến năm 2024 Công ty là một trong những đơn vị có đủ năng lực và trúng các gói thầu xử lý tro xỉ tại cụm nhiệt điện Vĩnh tân, Bình Thuận. Hiện tại,



dự án Tổ hợp nhà máy tại đây cơ bản đã hoàn thiện và đang chờ cấp giấy phép môi trường để chính thức đi vào hoạt động.

- Năm 2024 Công ty được Hội Vật liệu xây dựng Việt Nam tặng giấy khen vì đã có nhiều thành tích xuất sắc trong việc thực kinh tế tuần hoàn, đầu tư sản xuất vật liệu xây dựng xanh, góp phần phát triển ngành Vật liệu xây dựng Việt Nam hiện đại và bền vững; tích cực tham gia các hoạt động nhằm xây dựng Hội Vật liệu xây dựng Việt Nam vững mạnh.

- Các sự kiện khác

Công ty có nhiều đề tài, dự án cấp quốc gia tự nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, lắp đặt, vận hành các dây chuyền công nghệ xử lý tro xỉ, thạch cao của các nhà máy nhiệt điện chạy than và phân bón hóa chất để làm vật liệu xây dựng.

## *2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh*

- Ngành nghề kinh doanh:

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty là: Sản xuất vật liệu xây dựng. Các mặt hàng chính là tro bay, các sản phẩm của bê tông khí chưng áp (gạch nhẹ AAC, tấm panel ALC), vữa khô trộn sẵn, keo dán gạch đá, keo chít mạch, ...

- Địa bàn kinh doanh:

Đối với hoạt động kinh doanh trong nước: địa bàn kinh doanh chủ yếu của Công ty là các tỉnh khu vực miền Bắc.

Đối với hoạt động xuất khẩu: Sản phẩm tro bay của Công ty đã được cấp cho Công trình thủy điện Nậm Săm 3 tại Lào và xuất khẩu sang các nước trong khu vực Đông Nam Á khác; các sản phẩm vật liệu xây dựng khác như gạch nhẹ AAC, tấm panel ALC, vữa khô trộn sẵn cũng đã được xuất khẩu sang thị trường Philippines.

## *3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý*

- Mô hình quản trị: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc.

- Cơ cấu bộ máy quản lý.

+ Ban Tổng giám đốc: gồm Tổng giám đốc và Phó Tổng giám đốc.

+ Các phòng chức năng: Phòng Tài chính kế toán ; Phòng Tổ chức hành chính ; Phòng Kỹ thuật ; Phòng Công nghệ ; Phòng Kinh doanh.

+ Tổ hợp sản xuất gồm: Nhà máy sản xuất tro bay Phả Lại; Nhà máy sản xuất vữa xây dựng; Nhà máy sản xuất keo dán gạch đá; Nhà máy bê tông khí chưng áp; Nhà máy chế tạo thiết bị; Văn phòng các nhà máy sản xuất; Phòng Lab.

+ Ban quản lý dự án Nhà máy xử lý tro xỉ Vĩnh Tân gồm: Ban quản lý, xây dựng, vận hành dự án; Nhà máy sản xuất tro bay, vữa khô, keo dán Vĩnh Tân.



- Các công ty con, công ty liên kết:

+ Công ty cổ phần Thạch Cao Đình Vũ: địa chỉ tại Lô GI-7, khu Kinh tế Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng; ngành nghề kinh doanh chính là sản xuất thạch cao; vốn điều lệ thực góp là 21.191.600.000 đồng, chiếm tỷ lệ 16,38% tổng vốn điều lệ Công ty cổ phần Thạch Cao Đình Vũ. Tuy nhiên, hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh tại đây chưa đạt được kỳ vọng như đã đặt ra ban đầu, ngày 15/01/2024, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường đã thông qua quyết định về việc rút toàn bộ vốn tại Công ty cổ phần Thạch Cao Đình Vũ. Theo đó, tại thời điểm ngày 31/12/2024 Công ty cổ phần Thạch Cao Đình Vũ không còn là công ty liên kết của Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường.

+ Công ty cổ phần Bê tông Vĩnh Tân: địa chỉ tại Thôn Vĩnh Phúc, Xã Vĩnh Tân, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận; ngành nghề kinh doanh chính là sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; vốn điều lệ thực góp là 1.200.000.000 đồng, tỷ lệ sở hữu vốn 48% tổng vốn điều lệ Công ty cổ phần Bê tông Vĩnh Tân. Tuy nhiên, do một số khó khăn trong việc triển khai thực hiện dự án, ngày 21/06/2024, đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Bê tông Vĩnh Tân đã thông qua quyết định về việc giải thể Công ty cổ phần Bê tông Vĩnh Tân. Đến ngày 27/12/2024, Công ty cổ phần Bê tông Vĩnh Tân đã hoàn tất việc giải thể. Theo đó, tại thời điểm ngày 31/12/2024, Công ty cổ phần Bê tông Vĩnh Tân không còn là công ty liên kết của Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường.

+ Quỹ tín dụng nhân dân Phả Lại: địa chỉ tại Km 28+500 Quốc lộ 18, Phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương; ngành nghề kinh doanh chính là kinh doanh tiền tệ, tín dụng và dịch vụ ngân hàng; vốn điều lệ thực góp: 800.450.000 đồng, tỷ lệ sở hữu vốn 9,95% tổng vốn điều lệ của Quỹ tín dụng nhân dân Phả Lại;

#### *4. Định hướng phát triển*

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Đảm bảo tốc độ tăng trưởng nhanh, ổn định, bền vững, trở thành doanh nghiệp lớn đi đầu về công nghệ trong lĩnh vực sản xuất sản phẩm vật liệu xây dựng chất lượng cao từ các chất phế thải của ngành công nghiệp; không ngừng nâng cao uy tín, thương hiệu của Công ty, đạt lợi nhuận cao, bảo toàn và phát triển vốn của cổ đông góp vào Công ty, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua, đảm bảo giá trị của cổ phiếu, lợi tức của Cổ đông và thu nhập của người lao động.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn

+ Tiếp tục đẩy mạnh sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực vật liệu xây dựng mới và phụ gia cho bê tông, xi măng, đảm bảo sự tăng trưởng và phát triển bền vững, mở



rộng thị trường trong nước, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng và xã hội về chất lượng, số lượng, giá cả, chủng loại, kích thước, kiểu dáng, mẫu mã của sản phẩm, phù hợp với xu thế thời đại và thị hiếu của thị trường, tiếp tục xuất khẩu sang các nước trên thế giới, lấy sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng và các sản phẩm mới làm trọng tâm, đồng thời khai thác tốt các cơ hội để mang lại lợi nhuận cao, đảm bảo lợi ích các cổ đông, việc làm và đời sống của người lao động, góp phần hỗ trợ cho sản xuất kinh doanh phát triển.

+ Đẩy mạnh và tiếp tục mở rộng sản xuất sản phẩm và sản xuất thiết bị, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực sản xuất sản phẩm tro bay, gạch nhẹ chưng áp, vữa khô trộn sẵn, keo dán gạch đá, xử lý môi trường; phấn đấu trở thành công ty hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất tro bay và gạch nhẹ chưng áp, vữa xây và xây dựng các dự án sản xuất vật liệu không nung khác để đáp ứng được nhu cầu của thị trường và phù hợp với chiến lược phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam và chương trình phát triển vật liệu xây dựng không nung tại Việt Nam của Chính phủ.

+ Xây dựng và thực hiện dự án Nhà máy sản xuất cung cấp thiết bị và chuyển giao công nghệ trong các lĩnh vực sản xuất tro bay, sản xuất gạch nhẹ chưng áp, bê tông khí, bê tông cấu kiện, vữa xây trộn sẵn, xử lý môi trường, kết cấu nhà xưởng ...;

+ Tăng cường liên doanh hợp tác với các tổ chức, cá nhân, viện nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước để mở rộng quy mô đầu tư và kinh doanh cả về chiều sâu, chiều rộng trong các lĩnh vực có nhiều tiềm năng, đặc biệt là công nghệ và vật liệu xây dựng mới.

+ Quan tâm việc tuyển dụng, thu hút nhân tài, tăng cường công tác đào tạo và đào tạo tại chỗ để nâng cao trình độ quản lý, chuyên môn và tay nghề cho đội ngũ cán bộ công nhân viên, bố trí sắp xếp lại lao động một cách hợp lý.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty.

Trong hành trình 18 năm xây dựng và phát triển, Công ty luôn kiên định với mục tiêu phát triển bền vững. Vì môi trường, xã hội và cộng đồng là một trong các mục tiêu phát triển bền vững của Công ty.

+ Về môi trường: Công ty tiên phong trong việc triển khai mô hình kinh tế tuần hoàn, tận dụng phế thải từ các nhà máy nhiệt điện chạy than, phân bón hóa chất để sản xuất vật liệu xây dựng xanh. Công ty không ngừng đầu tư vào công nghệ hiện đại, quy trình sản xuất khép kín của Công ty không chỉ giảm thiểu lượng tro xỉ thải ra môi trường mà còn góp phần cắt giảm phát thải khí nhà kính so với phương pháp sản xuất truyền thống, đồng thời bảo tồn được tài nguyên khoáng sản hữu hạn. Các sản phẩm của Công ty được chứng nhận đạt tiêu chuẩn xanh, đáp ứng yêu cầu khắt



khe về môi trường trong bối cảnh biến đổi khí hậu ngày càng nghiêm trọng. Công ty đang hướng tới mục tiêu Net Zero vào năm 2050 và đang nỗ lực không ngừng để góp phần xây dựng một kỷ nguyên xanh cho tương lai.

+ Về mặt xã hội, cộng đồng: Công ty luôn chú trọng tạo việc làm ổn định cho lao động địa phương, đảm bảo môi trường làm việc an toàn, lành mạnh và nâng cao đời sống vật chất lẫn tinh thần cho cán bộ, công nhân viên. Đồng thời, công ty tích cực đồng hành cùng chính quyền địa phương trong các hoạt động an sinh xã hội như hỗ trợ người nghèo, đền ơn đáp nghĩa và các chương trình cộng đồng ý nghĩa khác.

+ Trong ngắn hạn, Công ty đặt mục tiêu hoàn thành và đưa vào vận hành giai đoạn 1 Nhà máy xử lý tro xỉ và sản xuất vật liệu xây dựng mới tại huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận (Dây chuyền phân tách tro xỉ) trong thời gian sớm nhất nhằm giải quyết lượng tro xỉ tồn đọng tại Trung tâm Nhiệt điện Vĩnh Tân, đồng thời đáp ứng nhu cầu vật liệu xanh tại thị trường miền Nam. Về trung hạn, công ty dự kiến nâng tổng công suất xử lý tro xỉ lên 2 triệu tấn/năm với sự kết hợp của hai nhà máy tại Hải Dương và Bình Thuận, đồng thời mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm xanh trong nước và quốc tế. Các chương trình này không chỉ củng cố vị thế của Công ty trong ngành vật liệu xây dựng mà còn thể hiện trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc góp phần xây dựng một tương lai bền vững cho môi trường và cộng đồng.

#### *5. Các rủi ro:*

- Rủi ro từ kinh tế và thị trường: Với sự xuất hiện của nhiều doanh nghiệp mới tham gia thị trường vật liệu xây dựng không nung làm tăng mức độ cạnh tranh, gây áp lực giảm giá và giảm lợi nhuận. Thị trường xây dựng, bất động sản suy giảm do suy thoái kinh tế dẫn tới lượng tiêu thụ sản phẩm sẽ giảm, ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của công ty. Sản phẩm của Công ty phụ thuộc vào tiến độ thi công các công trình xây dựng và tình hình phát triển xây dựng dân dụng. Việc sử dụng vật liệu xây không nung vào xây dựng công trình nhà ở chưa phổ biến dẫn đến khó khăn trong tiêu thụ gạch nhẹ. Nguồn nguyên liệu của Công ty phụ thuộc vào phế thải từ các nhà máy nhiệt điện chạy than và phân bón hóa chất, nếu các nhà máy này giảm sản lượng hoặc chuyển đổi sang công nghệ khác sẽ làm gián đoạn nguồn cung nguyên liệu đầu vào của Công ty, gây khó khăn cho sản xuất.

- Rủi ro từ môi trường, thiên tai: Công ty cũng phải đối mặt với các rủi ro từ thiên tai, các hiện tượng thời tiết cực đoan như bão, lũ lụt, hạn hán có thể làm hư hỏng kho nguyên liệu và hư hỏng thiết bị gây ảnh hưởng đến cơ sở hạ tầng sản xuất. Biến đổi khí hậu khiến cho nhiệt độ tăng cao vào mùa hè gây ảnh hưởng đến hiệu suất hoạt động của máy móc, làm tăng chi phí vận hành.

- Rủi ro từ dịch bệnh: sự xuất hiện của các dịch bệnh, điển hình là đại dịch toàn cầu Covid-19 làm gián đoạn chuỗi cung ứng, giảm năng suất lao động, tăng chi phí



để đảm bảo an toàn vệ sinh tại nhà máy, gây ra những hạn chế trong vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm. Dịch bệnh kéo dài làm giảm hoạt động xây dựng, từ đó ảnh hưởng đến sản lượng tiêu thụ của Công ty.

- Rủi ro về kỹ thuật, công nghệ: Công nghệ xử lý phế thải để sản xuất các vật liệu xây dựng xanh thường phức tạp, nếu thiết bị gặp sự cố hoặc không được bảo trì nhanh chóng, đúng cách sẽ gây gián đoạn quá trình sản xuất. Nếu công nghệ không được đầu tư, nâng cấp kịp thời Công ty có thể mất lợi thế cạnh tranh so với các doanh nghiệp sử dụng công nghệ tiên tiến hơn trong ngành. Ngoài việc phải thường xuyên nâng cấp về mặt kỹ thuật, công nghệ, nguồn nguyên liệu sản xuất của Công ty được cung cấp từ các nguồn khác nhau, không đồng nhất có thể dẫn đến các rủi ro liên quan đến chất lượng sản phẩm, làm ảnh hưởng đến uy tín của Công ty.

- Rủi ro tài chính: Việc xây dựng mô hình kinh tế tuần hoàn khép kín và công nghệ xanh đòi hỏi vốn lớn. Nếu không quản lý tốt dòng tiền hoặc gặp khó khăn trong huy động vốn, công ty có thể rơi vào tình trạng tài chính không ổn định.

Để đạt được các mục tiêu sản xuất kinh doanh và phát triển bền vững, Công ty cần xây dựng chiến lược quản trị rủi ro toàn diện, kết hợp giữa đầu tư công nghệ, tuân thủ quy định pháp luật đồng thời thích ứng linh hoạt với các yếu tố có thể ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

## **II. Tình hình hoạt động trong năm**

### *1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh*

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Tổng thu nhập năm 2024 là 431,1 tỷ đồng. Tổng chi phí năm 2024 là 397,5 tỷ đồng. Theo đó, lợi nhuận trước thuế năm 2024 là 33.6 tỷ đồng; lợi nhuận sau thuế năm 2024 là 26.6 tỷ đồng.

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Tổng doanh thu năm 2024 bằng 89% so với tổng doanh thu năm 2023, so với kế hoạch điều chỉnh năm 2024 đạt 105%.

Tổng chi phí năm 2024 bằng 93% so với tổng chi phí năm 2023.

Lợi nhuận trước thuế năm 2024 bằng 60% so với lợi nhuận trước thuế năm 2023, so với kế hoạch điều chỉnh năm 2024 đạt 106 %.

Lợi nhuận sau thuế năm 2024 bằng 61% với lợi nhuận sau thuế năm 2023, so với kế hoạch điều chỉnh năm 2024 đạt 105 %. Lợi nhuận sau thuế năm 2024 của Công ty giảm so với năm 2023 chủ yếu đến từ một số nguyên nhân chính như sau:

Năm 2024, thị trường bất động sản vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn, chưa thể phục hồi như kỳ vọng. Công ty là doanh nghiệp hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản



xuất Vật liệu xây dựng, do đó không tránh khỏi những ảnh hưởng chung của ngành. Tổng thu nhập năm 2024 của Công ty đạt 431,1 tỷ đồng, (giảm 11% so với năm 2023), sự sụt giảm này chủ yếu do nhu cầu của thị trường giảm, nhiều dự án xây dựng lớn bị trì hoãn, giãn tiến độ so với kế hoạch, vì vậy sản lượng sản phẩm cung cấp ra thị trường bị sụt giảm mạnh. Bên cạnh đó Công ty cũng đang gặp phải sự cạnh tranh rất lớn giữa các Doanh nghiệp cùng ngành, dẫn đến nhiều lần phải điều chỉnh giảm giá bán để giữ thị phần ổn định cho sản phẩm của Công ty.

Trong năm 2024, Công ty cũng gặp khó khăn do chi phí nguyên vật liệu đầu vào tăng (điện, xi măng, nhân công...), trong khi đó giá bán sản phẩm đầu ra không thể tăng như đã phân tích ở trên. Năm 2024 Công ty cũng chịu ảnh hưởng một phần của cơn bão số 3, gây thiệt hại cho Công ty, nhà máy phải tạm dừng sản xuất trong một thời gian dài để sửa chữa và khắc phục hậu quả. Bên cạnh đó, các khoản vay ngân hàng để phục vụ cho đầu tư dự án của Công ty cũng là nguyên nhân làm tăng chi phí tài chính, trong khi dự án chưa thể đưa vào để khai thác vận hành. Từ các nguyên nhân trên dẫn đến kết quả lợi nhuận sau thuế năm 2024 của Công ty bị giảm so với năm 2023.

## *2. Tổ chức và nhân sự*

- Danh sách Ban điều hành:

### **+ Tổng giám đốc:**

Họ tên: Vũ Văn Chiến                      Giới tính: Nam  
Dân tộc: Kinh                                  Quốc tịch: Việt Nam  
Chuyên môn: Kỹ sư điện tự động hóa  
Quê quán: Phả Lại, Chí Linh, Hải Dương  
Thường trú: Phả Lại, Chí Linh, Hải Dương  
Cổ phần nắm giữ tại Công ty: 292.680 CP

### **+ Phó Tổng giám đốc:**

Họ tên: Phạm Văn Thư                      Giới tính: Nam  
Dân tộc: Kinh                                  Quốc tịch: Việt Nam  
Chuyên môn: Kỹ sư kỹ thuật xây dựng, cử nhân quản trị kinh doanh  
Quê quán: Phả Lại, Chí Linh, Hải Dương  
Thường trú: Phả Lại, Chí Linh, Hải Dương  
Cổ phần nắm giữ tại Công ty: 58.298 CP

### **+ Kế toán trưởng:**



Họ tên: Trần Văn Hoan

Giới tính: Nam

Dân tộc: Kinh;

Quốc tịch: Việt Nam

Chuyên môn: Cử nhân kế toán, chứng chỉ Kế toán trưởng

Quê quán: Cộng Hòa, Chí Linh, Hải Dương

Thường trú: Cộng Hòa, Chí Linh, Hải Dương

Cổ phần nắm giữ tại Công ty: 38.880 CP

- Những thay đổi trong ban điều hành: Không.

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

Số lượng cán bộ, nhân viên tại ngày 31/12/2024 là 336 người, trong đó: Tiến sỹ 01, thạc sỹ 03; đại học 58; cao đẳng 26; trung cấp 27; công nhân kỹ thuật 113; công nhân vận hành 108; nữ 52; nam 284.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: Công trình tạm Dây chuyền phân tách tro xỉ tại Vĩnh Tân, Bình Thuận do Công ty đầu tư xỉ để triển khai xử lý, tiêu thụ tro xỉ thuộc cụm nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân Bình Thuận cơ bản đã hoàn thiện, đang trong quá trình chạy thử và chờ cấp giấy phép môi trường. Sau khi chính thức đi vào hoạt động, Công ty sẽ triển khai xử lý tro xỉ thuộc cụm nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân Bình Thuận để sản xuất các sản phẩm vật liệu xây dựng cung cấp cho thị trường phía Nam và xuất khẩu.

b) Các công ty con, công ty liên kết.

- Công ty cổ phần Thạch Cao Đình Vũ: Tại thời điểm ngày 31/12/2024 Công ty cổ phần Thạch Cao Đình Vũ không còn là công ty liên kết của Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường.

- Công ty cổ phần Bê tông Vĩnh Tân: Tại thời điểm ngày 31/12/2024, Công ty cổ phần Bê tông Vĩnh Tân không còn là công ty liên kết của Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường.

- Quỹ tín dụng nhân dân Phả Lại: Quỹ đang hoạt động bình thường, có lãi, đảm bảo thực hiện quy định hiện hành.

### 4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính



Chỉ tiêu	Năm/Year 2023	Năm/ Year 2024	% tăng giảm/% change
Tổng giá trị tài sản	474.333.071.357	623.708.701.079	31
Doanh thu thuần	473.477.182.250	408.377.807.293	-14
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	55.145.796.775	31.184.534.549	-43
Lợi nhuận khác	564.405.745	2.417.892.954	328
Lợi nhuận trước thuế	55.710.202.520	33.602.427.503	-40
Lợi nhuận sau thuế	43.887.554.527	26.566.151.200	-39
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	20	9 <sup>1</sup>	-55

- Các chỉ tiêu khác.

Năm 2023, doanh thu Công ty đạt 473,48 tỷ đồng, tăng 40% so với năm 2022. Lợi nhuận sau thuế đạt 43,9 tỷ đồng tăng 2,7 lần so với năm 2022. Công ty có được sự tăng trưởng này nhờ vào việc tối ưu hóa chi phí sản xuất và mở rộng thị phần trên thị trường. Các sản phẩm của Công ty đã được cung cấp vào các dự án lớn và hệ thống các nhà phân phối mở rộng.

Năm 2024, các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận của Công ty đều giảm so với năm 2023 nhưng nhìn chung đã thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh điều chỉnh.

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	1,022	0,905	
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u>	0,924	0,79	
Nợ ngắn hạn			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,463	0,56	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,862	1,30	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:	13,763	13,29	

<sup>1</sup> Kế hoạch trình ĐHĐCĐ



Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân + Vòng quay tổng tài sản Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	0,998	0,757	
4. <i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i> + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,093 0,172 0,093 0,116	0,07 0,10 0,04 0,08	

5. *Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.*

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần lưu hành: 18.660.895 cổ phần.
- Loại cổ phần lưu hành: cổ phần phổ thông.
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 18.660.895 cổ phần.
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: Không

b) Cơ cấu cổ đông:

- Cổ đông lớn: Có 02 cổ đông lớn nắm 4.595.721 cổ phần, chiếm 24,628%; cổ đông nhỏ nắm 14.065.174 cổ phần chiếm 75,372%%.
- Cổ đông là tổ chức: nắm giữ 2.821.677 cổ phần chiếm 15,12% .
- Cổ đông là cá nhân: nắm giữ 15.839.218 cổ phần, chiếm 84,88%.
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 0%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

- Mức vốn điều lệ ban đầu của Công ty là 30 tỷ đồng. Tháng 10/2007, Công ty thực hiện chào bán riêng lẻ 2.000.000 cổ phiếu, nâng tổng vốn điều lệ lên 50.000.000.000 đồng.
- Tháng 08/2008, Công ty tiếp tục chào bán riêng lẻ 1.000.000 cổ phiếu, nâng tổng vốn điều lệ lên 60.000.000.000 đồng.
- Năm 2009: Công ty thực hiện chào bán 3.000.000 cổ phiếu ra công chúng, nâng tổng vốn điều lệ lên 90.000.000.000 đồng.
- Năm 2015: Công ty phát hành 1.889.973 cổ phiếu để trả cổ tức, nâng tổng vốn điều lệ lên 108.899.730.000 đồng.



- Năm 2016: Công ty hoàn thiện việc phát hành thêm 3.000.000 cổ phiếu, nâng vốn điều lệ của Công ty lên 138.899.730.000 đồng.

- Năm 2022 Công ty hoàn thiện việc phát hành thêm 3.388.915 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động và chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, nâng vốn điều lệ của Công ty lên 172.788.880.000 đồng.

- Năm 2023 Công ty hoàn thiện phát hành thêm 1.382.007 cổ phiếu để trả cổ tức 2022, nâng vốn điều lệ lên 186.608.950.000 đồng.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không.

e) Các chứng khoán khác: Không.

#### 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

##### 6.1. Tác động lên môi trường:

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính:

Công ty là một trong những đơn vị lớn nhất Việt Nam về xử lý tro xỉ phế thải từ nhà máy nhiệt điện và tư vấn, thiết kế, chế tạo, chuyển giao công nghệ các dây chuyền công nghệ về xử lý môi trường, đặc biệt trong lĩnh vực xử lý chất thải công nghiệp từ nhà máy nhiệt điện, nhà máy phân bón hóa chất. Trong quá trình hoạt động, Công ty không ngừng nghiên cứu, cải tiến công nghệ, điều chỉnh bài cấp phối để tiết kiệm nguyên vật liệu, tiết kiệm điện, rút ngắn thời gian sản xuất ... nhưng vẫn đảm bảo chất lượng sản phẩm.

##### 6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Công ty tận dụng phế thải từ các nhà máy nhiệt điện chạy than và nhà máy sản xuất phân bón hóa chất như tro, xỉ, thạch cao phế thải ... làm nguyên liệu đầu vào.

Trong quá trình sản xuất, lượng phế được thải ra từ quá trình sản xuất gạch tiếp tục được tận dụng để tái sản xuất vữa.

##### 6.3. Tiêu thụ năng lượng

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Điện và than.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Giảm phát thải thông qua tái tạo sử dụng vật liệu phế thải để sản xuất ra khối lượng lớn sản phẩm hữu ích như tro bay, bê tông nhẹ, ...

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng; báo cáo kết quả của các sáng kiến này:



Công ty đã tiên phong nghiên cứu và áp dụng công nghệ xử lý tro xỉ để sản xuất các sản phẩm vật liệu xây dựng không nung. Việc tái sử dụng tro xỉ thay thế nguyên liệu thô truyền thống như đất sét, cát, đá ... giúp giảm tiêu thụ năng lượng trong quá trình khai thác và sản xuất vật liệu xây dựng truyền thống. Sản xuất gạch không nung không cần nung đốt bằng than hoặc nhiên liệu hóa thạch, qua đó giảm đáng kể lượng điện và nhiệt năng tiêu thụ.

Công ty triển khai mô hình tổ hợp kinh tế tuần hoàn khép kín, trong đó mọi nguồn tài nguyên từ khí thải, nước thải đến tro xỉ đều được tái sử dụng tối đa. Hệ thống sản xuất khép kín góp phần giảm thiểu tổn thất năng lượng trong các khâu vận chuyển và xử lý nguyên liệu. Việc tận dụng khí thải và nước tuần hoàn giúp giảm nhu cầu năng lượng bổ sung từ lưới điện hoặc nhiên liệu hóa thạch

*6.4. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)*

Công ty sử dụng nước tuần hoàn thải ra từ nhà máy nhiệt điện, sau khi xử lý tro xỉ, làm lắng đọng cho nước trong, sau đó bơm trở lại nhà máy để tiếp tục sử dụng do đó không tiêu thụ nước từ nguồn khác.

*6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:*

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

*6.6. Chính sách liên quan đến người lao động*

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động: Số lượng lao động bình quân năm 2024 là 314 người; mức lương trung bình đối với người lao động là 13,8 triệu đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: Cải tạo môi trường làm việc, cải tiến công nghệ để công nhân chỉ bấm nút vận hành điều khiển; thực hiện chế độ nghỉ dưỡng, chi bồi dưỡng, chi thêm cho lao động thường xuyên để nâng cao đời sống. Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

Đào tạo tại chỗ về công nghệ sản xuất, an toàn lao động, tập huấn các phương án cứu nạn cứu hộ, phòng cháy chữa cháy cho người lao động. Ngoài ra, Công ty còn tổ



chức kiểm tra, thi tay nghề để đánh giá năng lực sản xuất, vận hành của người lao động từ đó giúp phân loại lao động để có các chính sách quản lý, đào tạo phù hợp.

#### *6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.*

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng.

Công ty đã tạo ra nhiều cơ hội việc làm cho người lao động địa phương, góp phần nâng cao đời sống kinh tế - xã hội tại khu vực. Công ty cũng luôn tiên phong trong việc tham gia, ủng hộ hỗ trợ các quỹ và các chương trình do địa phương phát động như tặng quà cho người nghèo, tham gia các chương trình đền ơn đáp nghĩa, chương trình vì môi trường xanh ...

#### *6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN.*

Công ty là một trong những doanh nghiệp tiên phong tại Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng xanh thân thiện với môi trường. Công ty đã cải tạo, nâng công suất dây chuyền sản xuất tro bay, gạch nhẹ AAC, tấm panel ALC và vữa khô trộn sẵn theo hướng chuyển đổi số và sản xuất tuần hoàn. Điều này giúp giảm chi phí năng lượng và tăng khả năng cạnh tranh, đồng thời phù hợp với tiêu chuẩn của các dự án được tài trợ bởi trái phiếu xanh hoặc tín dụng xanh.

Việc tái sử dụng tro xỉ thay vì chôn lấp giúp giảm đáng kể lượng CO<sub>2</sub> tương đương từ quy trình sản xuất vật liệu truyền thống. Sản xuất gạch và tấm panel nhẹ không nung thay thế gạch nung truyền thống đã góp phần vào mục tiêu giảm 9-27% phát thải khí nhà kính theo Đóng góp do Quốc gia tự quyết định (NDC) của Việt Nam.

Công ty đang trong quá trình chuẩn bị tham gia thị trường carbon bằng việc tiến hành kiểm kê khí nhà kính và đăng ký tín chỉ carbon từ các dự án giảm phát thải. Với công suất xử lý tro xỉ, sản xuất vật liệu xây dựng xanh hiện nay của Công ty, công ty có khả năng tạo ra lượng tín chỉ carbon đáng kể. Công ty đang hướng tới đẩy mạnh việc xuất khẩu sản phẩm sang các thị trường Đông Nam Á, Trung Đông, Mỹ ... mở ra cơ hội tham gia chuỗi cung ứng xanh toàn cầu, nơi tín chỉ carbon ngày càng được yêu cầu.

### **III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc**

#### *1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh*



STT	Nội dung/Các chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	TH/KH (%)
I	<b>LAO ĐỘNG VÀ TIỀN LƯƠNG</b>				
1	Tổng số CBCNV đến cuối kỳ	Người		336	
2	Tổng số CBCNV làm việc BQ	Người	334	314	94
3	Thu nhập bình quân	Ng.đ	13,5	13,8	102
II	<b>KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH</b>				
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	408,96	431,07	105
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Tỷ đồng	31,59	33,60	106
3	Chi phí thuế thu nhập hiện hành:	Tỷ đồng	6,32	7,04	111
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	25,27	26,57	105
5	Nộp ngân sách	Tỷ đồng		12,82	.....
6	Lãi cơ bản/cổ phiếu lưu hành bình quân năm	Đồng/CP	1,693	1,801	106
7	Tỷ lệ chia cổ tức/cổ phiếu	%	10	9 <sup>2</sup>	90

Nhờ nhu cầu xây dựng cơ sở hạ tầng và nhà ở gia tăng, đặc biệt tại các đô thị lớn và khu vực công nghiệpP, dù gặp nhiều khó khăn nhưng nhìn chung thị trường vật liệu xây dựng năm 2024 cũng đã có sự tăng trưởng ổn định. Tuy nhiên, thị trường vật liệu xây dựng xanh, bao gồm gạch bê tông khí chưng áp AAC, tấm panel ALC và vữa khô trộn sẵn, dù được thúc đẩy bởi xu hướng phát triển bền vững và các chính sách hỗ trợ giảm phát thải vẫn đối mặt với nhiều thách thức. Những khó khăn nổi bật bao gồm sự cạnh tranh gay gắt từ vật liệu truyền thống, chi phí đầu tư, cải tiến công nghệ cao, người tiêu dùng chưa được tiếp cận nhiều với thông tin về các sản phẩm vật liệu xây dựng xanh và biến động giá nguyên liệu đầu vào (như tro bay, xỉ măng ...). Để đạt được kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã nỗ lực, thích ứng linh hoạt với thị trường, tối ưu hóa dây chuyền sản xuất, đầu tư vào chuyển đổi số và công nghệ tiết kiệm năng lượng, đồng thời đẩy mạnh truyền thông để nâng cao nhận thức của người tiêu dùng về lợi ích của vật liệu xanh. Những nỗ lực này

<sup>2</sup> Kế hoạch trình ĐHĐCĐ



không chỉ giúp công ty vượt qua khó khăn mà còn củng cố vị thế dẫn đầu trong ngành, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững và mở rộng thị trường trong tương lai.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được.

Năm 2024 Công ty tiếp tục duy trì được các Hợp đồng xuất khẩu tro bay đã ký kết, đồng thời ký mới hợp đồng về việc xuất khẩu gạch, panel, vữa. Các sản phẩm gạch nhẹ, tấm bê tông khí, vữa khô, keo dán gạch đá ... đã cung cấp được vào các dự án lớn cũng như hệ thống các nhà phân phối mở rộng.

## *2. Tình hình tài chính*

### *a) Tình hình tài sản*

- Tổng tài sản năm 2024 là 623,71 tỷ đồng/474,33 tỷ đồng năm 2023, tăng 149,38 tỷ đồng, tương ứng 31,5%.
- Hàng tồn kho: 24,22 tỷ đồng/17,47 tỷ đồng năm 2023, tăng 38,6% so với năm 2023.
- Tài sản cố định: 259,38 tỷ đồng/137,22 tỷ đồng năm 2023, tăng 89% so với năm 2023.

Tổng tài sản năm 2024 tăng mạnh do sự gia tăng của tài sản dài hạn, đặc biệt là tài sản cố định hữu hình, liên quan đến khoản đầu tư vào nhà máy tại Vĩnh Tân, Bình Thuận và tài sản dở dang dài hạn (chi phí xây dựng cơ bản dở dang). Tuy nhiên các khoản đầu tư này chưa mang lại hiệu quả tức thời. Vì doanh thu giảm dẫn đến lợi nhuận gộp giảm 167,71 tỷ (năm 2023) xuống 131,40 tỷ (năm 2024), tức giảm 21.7%.

- Các khoản phải thu: 92,42 tỷ đồng/141,47 tỷ đồng năm 2023, giảm 34,7% so với năm 2023.
- Công ty có nợ xấu phải thu khó đòi: 4,321 tỷ đồng/2,668 tỷ đồng năm 2023, tăng 62% so với năm 2023.

Công ty đã cải thiện được việc thu hồi công nợ do đó, các khoản phải thu ngắn hạn giảm mạnh so với năm 2023. Tuy nhiên, do một số các khoản phải thu đã trở thành nợ khó đòi nên dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi tăng đáng kể so với năm 2023.

### *b) Tình hình nợ phải trả*

Tính đến 31/12/2024, tình hình nợ phải trả của công ty như sau:

- Tổng nợ phải trả: 352,25 tỷ đồng/219,63 tỷ đồng năm 2023, tăng 60% so với năm 2023
- Vay và nợ ngắn hạn: 203 tỷ đồng/219,63 tỷ đồng năm 2023, giảm 7,6% so với năm 2023.



- Vay và nợ dài hạn: 149,25 tỷ đồng/42,289 tỷ đồng năm 2023, tăng 252,9% so với năm 2023.
- Phải trả người bán: 44,15 tỷ đồng/43,6 tỷ đồng năm 2023, tăng 1,3% so với năm 2023.
- Phải trả khác: 0,86 tỷ đồng/19,06 tỷ đồng năm 2023, giảm 95,5% so với năm 2023.

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ: Năm 2024, tổng nợ của Công ty tăng mạnh, đặc biệt là nợ dài hạn (tăng 252,9%) do Công ty đang đẩy mạnh đầu tư vào dự án Dây chuyền phân tách tro xỉ tại Vĩnh Tân, Bình Thuận. Công ty cũng tăng cường vay ngắn hạn để phục vụ hoạt động kinh doanh, đầu tư do đó nợ ngắn hạn tăng đáng kể. Sự gia tăng của các khoản nợ làm tăng áp lực tài chính cho Công ty, đặc biệt là khi doanh thu và lợi nhuận giảm, tuy nhiên nhìn chung, Công ty đã quản lý tốt các khoản phải trả.

- Phân tích nợ phải trả quá hạn, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hồi đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay:

Nợ phải trả quá hạn: Nợ phải trả quá hạn không gây ảnh hưởng lớn tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vì các khoản phải trả nhà cung cấp và chi phí phải trả tăng không đáng kể.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái: Tuy lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái là một yếu tố nhỏ, không ảnh hưởng quá lớn nhưng cũng đã góp phần làm giảm lợi nhuận của Công ty.

Chênh lệch lãi vay: Chi phí lãi vay năm 2024 tăng đáng kể so với năm 2023. Chênh lệch lãi vay là yếu tố ảnh hưởng lớn đến lợi nhuận của Công ty. Chi phí lãi vay tăng mạnh làm tăng áp lực tài chính cho Công ty.

### *3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.*

Nhằm chuyên môn hóa và nâng cao hiệu quả làm việc, năm 2024 Công ty đã tách Phòng Kỹ thuật – Công nghệ thành hai phòng riêng biệt là Phòng Kỹ thuật và Phòng Công nghệ, từ đó các phòng có thể tập trung tốt hơn vào lĩnh vực chuyên môn của mình, tránh chồng chéo nhiệm vụ. Việc tách riêng hai phòng cũng góp phần tăng cường khả năng nghiên cứu và phát triển. Phòng Công nghệ tập trung vào việc phát triển sản phẩm mới, và cải tiến công nghệ sản xuất, tham gia đề tài khoa học. Đây là nhiệm vụ quan trọng đối với Công ty, đặc biệt khi Công ty định vị mình là doanh nghiệp dẫn đầu trong ngành vật liệu xây dựng xanh. Phòng Kỹ thuật tập trung vào hỗ trợ kỹ thuật cho các dự án và vận hành sản xuất, đảm bảo hệ thống máy móc hoạt động ổn định. Điều này tạo điều kiện để Công ty vừa duy trì sản xuất ổn định, vừa thúc đẩy đổi mới sáng tạo, nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường.



Hiểu được vai trò quan trọng của hàm lượng giá trị của khoa học công nghệ trong sản xuất, năm 2024 Công ty đã thành lập Ban Khoa học Công nghệ với các nhiệm vụ chủ yếu: Nghiên cứu ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm thúc đẩy phát triển sản phẩm, nâng cao năng suất, chất lượng hạ giá thành sản phẩm, góp phần mang lại hiệu quả cho Công ty; Nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới, chuẩn hóa các tiêu chuẩn kỹ thuật, công dụng, hợp chuẩn hợp quy cho từng loại sản phẩm; Nghiên cứu, tư vấn phát triển thị trường, xúc tiến thương mại, từ đó định hướng phát triển các dòng sản phẩm phù hợp với mục tiêu kinh doanh của Công ty; Tham dự các hoạt động hội thảo khoa học trong và ngoài nước.

#### *4. Kế hoạch phát triển trong tương lai*

- Về sản xuất: Tiếp tục triển khai đầu tư, xây dựng, hoàn thiện sản xuất vật liệu xây dựng gồm vữa xây, keo dán gạch đá, xi măng xanh, cấu kiện bê tông đúc sẵn, gạch nhẹ chưng áp AAC; tấm panel ALC, điện năng lượng mặt trời áp mái ... tại Vĩnh Tân, Bình Thuận (giai đoạn 2); Đầu tư dự án bổ sung về sản xuất tấm panel ALC, vữa, keo dán gạch đá; trạm trộn bê tông, dây chuyền sản xuất gạch xi măng cốt liệu, ngói màu và dây chuyền nghiền lá, cành cây các loại để có mùn gỗ làm nhiên liệu đốt cho sản xuất của Công ty; Tiếp tục đầu tư nghiên cứu, cải tiến khoa học công nghệ sản xuất, cải tạo, nâng cấp các dây chuyền sản xuất, mua thêm máy thiết bị sản xuất, cải tạo nhà xưởng, văn phòng.

- Về thị trường: Giữ và phát triển thị trường tro bay khô, vữa khô, keo dán gạch đá, gạch nhẹ, tấm panel trong nước và xuất khẩu; Mở rộng hệ thống đại lý, tăng cường đội ngũ cán bộ nhân viên bán hàng đủ mạnh về cả số lượng và chất lượng; Mở các văn phòng đại diện, xúc tiến thương mại tiêu thụ sản phẩm của Công ty tại các nước Đông Nam Á ...

*5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần): Không*

*6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty*

##### *a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:*

Công ty sử dụng công nghệ tuyển ướt và sấy khô đồng bộ để xử lý tro xỉ từ các nhà máy nhiệt điện. Quá trình tuyển ướt đòi hỏi một lượng nước đáng kể để rửa và phân tách tro xỉ. Ngoài ra, sản xuất gạch nhẹ chưng áp AAC) và vữa khô trộn sẵn cũng sử dụng nước trong các khâu pha trộn và chưng áp. Tuy nhiên, hiện nay Công ty đang sử dụng nước tuần hoàn thải ra từ nhà máy nhiệt điện Phả Lại, sau quá trình xử lý sẽ tiếp tục được bơm trở lại nhà máy để sử dụng và không tiêu thụ nước từ nguồn khác.



Công ty tập trung vào sản xuất các sản phẩm không nung do đó tiêu thụ ít năng lượng hơn so với sản xuất gạch nung truyền thống.

Công ty xử lý khoảng 2 triệu tấn tro xỉ/năm từ các nhà máy nhiệt điện để sản xuất các vật liệu xây dựng xanh, góp phần giảm phát thải khí nhà kính từ quá trình nung đốt so với sản xuất vật liệu xây dựng truyền thống.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Người lao động tại Công ty được đào tạo để sử dụng thiết bị hiện đại, tối ưu hóa sản xuất, luôn tuân thủ nghiêm ngặt quy trình sản xuất nhằm giảm thiểu chất thải rắn và khí thải.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Công ty tái sử dụng tro xỉ từ Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại, điều này góp phần giảm lượng chất thải chôn lấp, vốn là vấn đề lớn đối với các cộng đồng gần nhà máy nhiệt điện.

#### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.*

- Về hiệu quả kinh doanh:

Hội đồng quản trị (HĐQT) đánh giá cao kết quả kinh doanh tích cực của Công ty trong năm 2024, khẳng định sự phát triển bền vững và khả năng cạnh tranh của Công ty trên thị trường vật liệu xây dựng, chiến lược đầu tư xây dựng nhà máy tại Vĩnh Tân, Bình Thuận và việc tiếp tục nâng cấp dây chuyền sản xuất phía Bắc đã tạo động lực mạnh mẽ cho tăng trưởng dài hạn.

- Về chiến lược phát triển :

HĐQT đánh giá tích cực về định hướng chiến lược của Công ty trong việc tiên phong sản xuất vật liệu xây dựng xanh và tham gia thị trường vốn xanh. Tuy nhiên, HĐQT cũng nhận thấy cần đẩy nhanh tiến độ ứng dụng công nghệ chuyển đổi số và chuẩn bị cho các cơ chế tài chính xanh như trái phiếu xanh hoặc tín chỉ carbon để tận dụng tối đa xu hướng toàn cầu.

- Về quản trị nội bộ: Công ty đang hướng tới việc sửa đổi Điều lệ để loại bỏ các hạn chế đối với nhà đầu tư nước ngoài. Chương trình ESOP cho người lao động thể hiện cam kết gắn kết lợi ích giữa cổ đông, ban lãnh đạo và người lao động toàn Công ty. Công ty luôn duy trì đội ngũ nhân sự chất lượng cao, với các chương trình đào tạo kỹ năng sản xuất xanh. Tuy nhiên, cần cải thiện hơn nữa trong việc minh bạch thông tin, đặc biệt là các báo cáo tài chính và môi trường, để đáp ứng tiêu chuẩn quản trị của sàn HOSE và kỳ vọng của nhà đầu tư nước ngoài.



- Trách nhiệm đối với môi trường: Mô hình kinh tế tuần hoàn khép kín, với việc tái sử dụng nước thải và tối ưu hóa dây chuyền sản xuất là minh chứng cho cam kết sản xuất xanh, bảo vệ môi trường.

- Trách nhiệm đối với xã hội: Công ty đã có những đóng góp đáng kể thông qua việc tạo việc làm ổn định cho hàng trăm lao động địa phương tại Hải Dương và Bình Thuận. Công ty cũng đã tích cực trong việc tham gia các hoạt động tại địa phương như từ thiện, tài trợ giáo dục ...

## *2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty*

Ban Tổng Giám đốc, dưới sự lãnh đạo của Tổng Giám đốc Vũ Văn Chiến, đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ quản lý và điều hành trong thời gian qua, góp phần đưa công ty đạt được những thành tựu đáng kể và củng cố vị thế trong ngành vật liệu xây dựng xanh tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc luôn nhạy bén trong việc nắm bắt cơ hội thị trường, tối ưu hóa hoạt động sản xuất và mở rộng thị trường. HĐQT ghi nhận nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc trong việc vượt qua khó khăn để hoàn thiện thủ tục đầu tư, triển khai xây dựng nhà máy tại Vĩnh Tân, Bình Thuận.

Ban Tổng Giám đốc đã thể hiện vai trò quan trọng trong việc hiện thực hóa chiến lược phát triển bền vững của Công ty, đặc biệt là định hướng trở thành doanh nghiệp tiên phong trong sản xuất vật liệu xây dựng xanh. HĐQT đánh giá cao việc Ban Tổng Giám đốc hoàn thành cải tạo và nâng công suất các dây chuyền sản xuất tro bay, gạch nhẹ AAC, và vữa khô trộn sẵn theo hướng chuyển đổi số và kinh tế tuần hoàn.

Ban Tổng Giám đốc đã xuất sắc thực hiện cam kết về trách nhiệm môi trường, một trong những trụ cột chiến lược của Công ty. Dưới sự điều hành của Ban Tổng Giám đốc, Công ty xử lý khoảng 2 triệu tấn tro xỉ mỗi năm từ các nhà máy nhiệt điện, giảm lượng chất thải chôn lấp và phát thải khí nhà kính.

Ban Tổng Giám đốc đã đóng góp tích cực vào trách nhiệm xã hội thông qua việc tạo việc làm ổn định cho hàng trăm lao động tại Hải Dương và Bình Thuận.

## *3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị*

- Tăng trưởng kinh tế và mở rộng thị trường: thực hiện tăng vốn điều lệ thông qua việc phát hành cổ phiếu. HĐQT tiếp tục chỉ đạo triển khai thực hiện việc đưa cổ phiếu SCL từ sàn UPCoM niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Mở các văn phòng đại diện trong nước (tại Đà Nẵng) và tại nước



ngoài (Singapore, Philippines) để hình thành mạng lưới phân phối, thâm nhập vào thị trường trong nước và quốc tế.

- Phát triển công nghệ, sản phẩm xanh: tiếp tục đầu tư giai đoạn 2 tại tổ hợp sản xuất vật liệu xây dựng tại Vĩnh Tân, Bình Thuận để sản xuất vữa xây, keo dán gạch đá, xi măng xanh, cấu kiện bê tông đúc sẵn, gạch nhẹ chưng áp AAC; tấm panel ALC, điện năng lượng mặt trời áp mái ... Tại Hải Dương, đầu tư dự án bổ sung về sản xuất tấm panel ALC, vữa, keo dán gạch đá; trạm trộn bê tông, dây chuyền sản xuất gạch xi măng cốt liệu, ngói màu và dây chuyền nghiền lá, cành cây các loại để có mùn gỗ làm nhiên liệu đốt cho sản xuất của Công ty.

- Tham gia thị trường xanh: Đặt mục tiêu chuẩn bị cho việc tham gia thị trường carbon thông qua kiểm kê khí nhà kính và đăng ký tín chỉ carbon từ các dự án giảm phát thải

- Trách nhiệm đối với môi trường, xã hội: tiếp tục tạo việc làm ổn định cho lao động địa phương tại Hải Dương và Bình Thuận, đồng thời cải thiện điều kiện làm việc thông qua việc đầu tư, xây dựng nhà máy ngày càng hiện đại. Tăng cường các hoạt động do địa phương tổ chức, tham gia từ thiện, tài trợ giáo dục, hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng tại địa phương.

## **V. Quản trị công ty**

### **1. Hội đồng quản trị**

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

#### **- Họ và tên: Kiều Văn Mát**

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 25/8/1969

Nơi sinh: Phả Lại, Chí Linh, Hải Dương

Số CCCD: 030069008716

Cấp ngày 03/6/2022

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Thường trú: Phả Lại, Chí Linh, Hải Dương

Chức vụ tại Công ty: Chủ tịch HĐQT

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:

Cổ phần nắm giữ: 4.595.721 CP, chiếm 24,62 % vốn điều lệ, trong đó:

+ Đại diện cổ phần cho tổ chức khác: Đại diện 2.390.090 CP Công ty Cổ phần Công nghiệp Dịch vụ Cao Cường

+ Cổ phần hiện hữu: 2.205.631 CP



**- Họ và tên: Kiều Quang Vọng**

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 22/11/1956

Nơi sinh: Phả Lại, Chí Linh, Hải Dương

CCCD số: 030056000171

Cấp ngày 08/6/2022

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Thường trú: Phả Lại, Chí Linh, Hải Dương

Chức vụ tại công ty: Thành viên HĐQT

Chức vụ tại tổ chức khác: Không

Cổ phần nắm giữ: 350.514, chiếm 1,878% vốn điều lệ Công ty, trong đó:

+ Cổ phần đại diện: Không + Cổ phần hiện hữu: 350.514 CP

**- Họ và tên: Nguyễn Hồng Quyền**

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 01/09/1950

Nơi sinh: Hoàng Xuyên, Hoàng Hoá, Thanh Hoá

CCCD số: 038050004296

Cấp ngày 11/04/2019

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Thường trú: 1BT8, KĐT Lideco, Trạm Trôi, Hoài Đức, Hà Nội

Chức vụ tại công ty: Thành viên HĐQT

Chức vụ tại tổ chức khác: Không

Cổ phần nắm giữ: 106 CP, chiếm 0,0006 % vốn điều lệ Công ty, trong đó:

+ Cổ phần đại diện: 106 CP + Cổ phần hiện hữu: 106 CP

**- Họ và tên: Nguyễn Anh Dũng**

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 28/05/1975

Nơi sinh: Chí Linh, Hải Dương

CCCD số: 030075006847

Cấp ngày 10/7/2021

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Thường trú: Số 17/126 Kim Hoa, Phương Liên, Đống Đa, Hà Nội

Chức vụ tại công ty: Thành viên HĐQT

Chức vụ tại tổ chức khác: Không

Cổ phần nắm giữ: 478.792 CP, chiếm 2,564% vốn điều lệ Công ty, trong đó:

+ Cổ phần đại diện: Không; + Cổ phần hiện hữu: 478.792 CP



**- Họ và tên: Nguyễn Ánh Hồng**

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 23/03/1978

Nơi sinh: Hải Dương

CCCD số: 038078034811

Cấp ngày 22/12/2021

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Thường trú: Phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

Chức vụ tại công ty: Thành viên HĐQT

Chức vụ tại tổ chức khác: Cán bộ ngân hàng VCB Chí Linh, Hải Dương

Cổ phần nắm giữ: 602.854 CP, chiếm 3,231% vốn điều lệ Công ty, trong đó:

+ Cổ phần đại diện: Không

+ Cổ phần hiện hữu: 602.854 CP

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Tiểu ban thư ký HĐQT: Tham gia các cuộc họp của HĐQT, dự thảo Biên bản và Nghị quyết họp HĐQT, cập nhật đầy đủ thông tin cho các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát.

Thành viên:

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Lê Văn Dương	Thư ký Chủ tịch HĐQT
2	Bùi Thị Thanh Ngân	Thư ký công ty

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện công việc theo nhiệm vụ được giao và quy định của pháp luật. Hội đồng quản trị họp định kỳ họp mỗi quý 01 lần, ngoài ra có những phiên họp bất thường theo yêu cầu của công tác chỉ đạo, quản lý Công ty với tổng 10 cuộc họp trong năm 2024 với tỷ lệ thông qua của mỗi cuộc họp là 100%. Để tăng cường hiệu quả trong công tác quản trị Công ty, mỗi thành viên được phân công chỉ đạo theo mảng hoạt động như: Sản xuất, kỹ thuật, đầu tư, tài chính, thị trường ... hàng quý tại phiên họp thường kỳ có báo cáo đánh giá công tác quản trị đã được phân công. Các thành viên được thanh toán các chi phí đi lại tham dự các phiên họp.

Các nghị quyết của Hội đồng quản trị được xây dựng trên nguyên tắc tập thể đảm bảo tính khách quan và tập trung trí tuệ của các thành viên Hội đồng quản trị.



Hội đồng quản trị đã thực hiện các chức năng, nhiệm vụ quy định tại Điều lệ công ty và quy chế hoạt động HĐQT.

Thực hiện tốt việc sửa đổi, bổ sung hoàn thiện và ban hành các quy chế, quy định cũ đã ban hành theo đúng quy định của pháp luật và phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị.

- Hoạt động của thành viên HĐQT không điều hành: Đã tích cực tham gia kiểm soát, phản biện, xây dựng nghị quyết HĐQT và hỗ trợ ban điều hành.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Tất cả các thành viên HĐQT công ty đều đã tham gia các lớp học bồi dưỡng về quản trị công ty.

## *2. Ban Kiểm soát*

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

### **- Họ và tên: Đào Xuân Quỳnh**

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 14/02/1982

Nơi sinh: Chí Linh, Hải Dương

CCCD số: 030082004912

Cấp ngày: 25/4/2021

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Thường trú: Phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

Chức vụ tại công ty: Trưởng Ban kiểm soát

Chức vụ tại tổ chức khác: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thạch cao Đình Vũ

Cổ phần nắm giữ: 42.984 CP, chiếm 0,23% vốn điều lệ Công ty, trong đó:

+ Cổ phần đại diện: Không; + Cổ phần hiện hữu: 42.984 CP

### **- Họ và tên: Nguyễn Thị Thu Hoài**

Giới tính: Nữ;

Sinh ngày: 16/10/1982

Nơi sinh: Nhật Tân, Tiên Lữ, Hưng Yên

CCCD số: 033182004804

Cấp ngày 25/4/2021

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Thường trú: Phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

Chức vụ tại công ty: Thành viên Ban kiểm soát



Chức vụ tại tổ chức khác: Nhân viên Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ Cao Cường

Cổ phần nắm giữ: 2.160 CP, chiếm 0,012% vốn điều lệ Công ty, trong đó:

+ Cổ phần đại diện: Không; + Cổ phần hiện hữu: 2.160 CP

**- Họ và tên: Bùi Thị Vẻ**

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 23/12/1975

Nơi sinh: Phả Lại, Chí Linh, Hải Dương

CCCD số: 030175007385

Cấp ngày 13/4/2020

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Thường trú: Phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

Chức vụ tại công ty: Thành viên Ban kiểm soát

Chức vụ tại tổ chức khác: Nhân viên Quỹ tín dụng ND Phả Lại

Cổ phần nắm giữ: 1.080 CP, chiếm 0,006% vốn điều lệ Công ty, trong đó:

+ Cổ phần đại diện: Không; + Cổ phần hiện hữu: 1.080 CP

**b) Hoạt động của Ban kiểm soát:**

Các thành viên Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ theo phân công nhiệm vụ của Trưởng ban kiểm soát và quy định của pháp luật. Định kỳ 06 tháng họp 01 lần, ngoài ra có những phiên họp bất thường theo yêu cầu của công tác kiểm soát các hoạt động của Công ty khi có sự kiến nghị của cổ đông hoặc những hoạt động có dấu hiệu không bình thường. Trong năm 2024, Ban kiểm soát đã họp 02 lần với tỷ lệ dự họp và tỷ lệ biểu quyết là 100%. Để tăng cường hiệu quả trong công tác kiểm soát Công ty thì hàng quý tại phiên họp thường kỳ của HĐQT có báo cáo đánh giá công tác kiểm soát của Ban kiểm soát.

**3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát**

**a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích.**

Họ và tên	Chức vụ	Thu nhập 2024 (VNĐ)
Kiều Văn Mát	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	1.050.000.000
Nguyễn Anh Dũng	Thành viên HĐQT, Chuyên gia	266.000.000
Nguyễn Hồng Quyền	Thành viên HĐQT	138.000.000
Nguyễn Ánh Hồng	Thành viên HĐQT	138.000.000
Kiều Quang Vọng	Thành viên HĐQT	376.000.000



Đào Xuân Quỳnh	Trưởng BKS	236.000.000
Nguyễn Thị Thu Hoài	Thành viên BKS	83.000.000
Bùi Thị Vẻ	Thành viên BKS	48.000.000
Vũ Văn Chiến	Tổng Giám đốc	1.000.000.000
Phạm Văn Thư	Phó Tổng Giám đốc	547.401.442
Trần Văn Hoan	Kế toán trưởng	470.672.596

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ.

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Kiều Thị Nhung	CD lớn, người CLQ	1.411.166	7,56	408.766	2.19	Bán
2	Kiều Văn Cao	Người CLQ	21.468	0,12	221.468	1,187	Mua
3	Kiều Quang Vọng	TV.HĐQT	50.514	0,27	350.514	1,878	Mua
4	Nguyễn Anh Dũng	TV.HĐQT	669.492	3,59	478.792	2,564	Bán
5	Kiều Thị Dung	Người CLQ	4.789	0,026	0	0	Bán
6	Kiều Thị Miên	Người CLQ	10.800	0,058	800	0.004	Bán

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ.

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT... thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
1	Công ty cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ Cao Cường	Người có liên quan	0800263713 ngày 30/12/2021 tại Sở KH và ĐT T.Hải Dương	Km 28+500m, Quốc lộ 18, Phường Phả Lại, Thành phố Chí Linh, Tỉnh Hải Dương	Ngày 05/8/2024	Nghị quyết số 633/NQ-HĐQT, ngày 05/8/2024 của HĐQT thông qua việc vay vốn của Công ty CP Công nghiệp – Dịch vụ Cao Cường	Công ty CP Sông Đà Cao Cường vay Công ty CP Công nghiệp - Dịch vụ Cao Cường 50.000.000.000 VNĐ

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Thực hiện tốt.

## VI. Báo cáo tài chính

### 1. Ý kiến kiểm toán



Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: Đính kèm.

*Nơi nhận:*

- Như kính gửi;
- Lưu VP./.

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CỦA CÔNG TY  
Tổng Giám đốc**



**Vũ Văn Chiến**



CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024  
(đã được kiểm toán)



---

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	02-03
<b>Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	04-05
<b>Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</b>	
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	10-31



## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

Km28 + 100m, quốc lộ 18, phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, Hải Dương

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

#### Công ty

Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường.

#### Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 4 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 02 tháng 01 năm 2024 với mã số doanh nghiệp là 0800376530 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp.

#### Trụ sở chính

Km28 + 100m, quốc lộ 18, phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, Hải Dương.

#### Hội đồng quản trị

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Kiều Văn Mát	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hồng Quyền	Thành viên
Ông Nguyễn Anh Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Ánh Hồng	Thành viên
Ông Kiều Quang Vọng	Thành viên

#### Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Văn Chiến	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Thư	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Hoan	Kế toán trưởng

#### Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đào Xuân Quỳnh	Trưởng ban
Bà Bùi Thị Vê	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Hoài	Thành viên

#### Đại diện theo pháp luật

Ông Vũ Văn Chiến	Tổng Giám đốc
------------------	---------------

#### Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA).



**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2024, kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ban Tổng giám đốc công ty cam kết rằng Công ty tuân thủ nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hải Dương, ngày 21 tháng 2 năm 2025  
TM. Ban Tổng Giám đốc  
**Tổng Giám đốc**  
  
**Vũ Văn Chiến**





Số: 161/BCKT-TC/AVA.NV5

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà SUDICO, đường Mỹ Đình, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội  
T: (+84 24) 3868 9566 (+84 24) 3868 9588  
F: (+84 24) 3868 6248 W: www.kiemtoanava.com.vn

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường, được lập ngày 21/02/2025, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty Kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính này vào ngày 25/3/2024.



Nguyễn Viết Long  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN Kiểm toán số  
0692-2023-126-1  
Hà Nội, ngày 26 tháng 2 năm 2025

A blue ink signature.

Bùi Xuân Nguyên  
Kiểm toán viên  
Giấy CNĐKHN Kiểm toán số  
4029-2023-126-1



Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND  
01/01/2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>183.695.368.379</b>	<b>164.272.754.967</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.1	<b>47.440.866.194</b>	<b>6.209.854.889</b>
1. Tiền	111		42.440.866.194	6.209.854.889
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000.000	-
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>92.417.417.293</b>	<b>123.066.735.671</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	78.072.868.218	107.634.366.756
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	15.250.513.028	17.488.804.548
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	3.415.124.612	611.568.291
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.6	(4.321.088.565)	(2.668.003.924)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	V.7	<b>24.222.975.062</b>	<b>17.467.624.083</b>
1. Hàng tồn kho	141		24.222.975.062	17.467.624.083
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>19.614.109.830</b>	<b>17.528.540.324</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	3.665.674.667	2.457.024.747
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		15.500.244.781	14.609.950.419
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	448.190.382	461.565.158
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>440.013.332.700</b>	<b>291.652.997.050</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>259.376.176.858</b>	<b>137.217.254.223</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	259.376.176.858	137.217.254.223
- Nguyên giá	222		410.548.206.557	268.274.892.167
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(151.172.029.699)	(131.057.637.944)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	V.10	<b>173.377.630.254</b>	<b>124.039.827.283</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		173.377.630.254	124.039.827.283
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.2	<b>800.450.000</b>	<b>21.710.530.370</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	1.200.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		800.450.000	21.992.050.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	(1.481.519.630)
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>6.459.075.588</b>	<b>8.685.385.174</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	6.459.075.588	8.685.385.174
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN(270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>623.708.701.079</b>	<b>455.925.752.017</b>



Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024  
(tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	Đơn vị tính: VND 01/01/2024
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>352.251.184.500</b>	<b>201.380.386.638</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>203.005.253.264</b>	<b>159.091.800.326</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	44.149.189.699	43.604.752.212
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		329.355.500	169.857.245
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	7.072.003.039	11.845.035.446
4. Phải trả người lao động	314		7.319.529.534	8.022.967.121
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	257.533.341	162.931.729
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	860.655.008	810.490.808
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	134.161.150.482	89.673.190.050
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		8.855.836.661	4.802.575.715
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>149.245.931.236</b>	<b>42.288.586.312</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15	149.245.931.236	42.288.586.312
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>271.457.516.579</b>	<b>254.545.365.379</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.16	<b>271.612.460.419</b>	<b>254.700.309.219</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		186.608.950.000	186.608.950.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		186.608.950.000	186.608.950.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.804.928.341	4.804.928.341
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		15.901.168.560	13.707.168.560
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		64.297.413.518	49.579.262.318
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		37.731.262.318	5.691.707.791
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		26.566.151.200	43.887.554.527
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>	V.17	<b>(154.943.840)</b>	<b>(154.943.840)</b>
1. Nguồn kinh phí	431		(154.943.840)	(154.943.840)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN(440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>623.708.701.079</b>	<b>455.925.752.017</b>

Người lập biểu

Đỗ Thị Ngọc Hồi

Kế toán trưởng

Trần Văn Hoan



Hải Dương, ngày 21 tháng 2 năm 2025

Tổng Giám đốc

Vũ Văn Chiến

Mẫu số B 02 - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Đơn vị tính: VND Năm 2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	427.718.279.682	478.963.103.604
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	19.340.472.389	5.485.921.354
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>		<b>408.377.807.293</b>	<b>473.477.182.250</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	276.976.491.453	305.766.708.855
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>131.401.315.840</b>	<b>167.710.473.395</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	650.091.135	734.997.633
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	8.376.149.071	5.228.189.730
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		9.310.312.298	5.278.063.613
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	69.933.491.086	85.015.592.584
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	22.557.232.269	23.055.891.939
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}</b>	<b>30</b>		<b>31.184.534.549</b>	<b>55.145.796.775</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.7	2.697.381.883	1.984.590.390
12. Chi phí khác	32	VI.8	279.488.929	1.420.184.645
<b>13. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>2.417.892.954</b>	<b>564.405.745</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>33.602.427.503</b>	<b>55.710.202.520</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	7.036.276.303	11.822.647.993
<b>16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>26.566.151.200</b>	<b>43.887.554.527</b>
<b>17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)</b>	<b>70</b>	VI.11	<b>1.424</b>	<b>1.974</b>
<b>18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)</b>	<b>71</b>	VI.12	<b>1.184</b>	<b>1.974</b>

Người lập biểu

Đỗ Thị Ngọc Hồi

Kế toán trưởng

Trần Văn Hoan

Hải Dương, ngày 21 tháng 2 năm 2025

Tổng Giám đốc



Vũ Văn Chiến



Mẫu số B 03 - DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Đơn vị tính: VND Năm 2023
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		33.602.427.503	55.710.202.520
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		20.114.391.755	14.317.728.702
- Các khoản dự phòng	03		171.565.011	1.089.706.251
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(195.815.177)	(52.890.068)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(133.769.276)	(516.790.313)
- Chi phí lãi vay	06		9.310.312.298	5.278.063.613
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		62.869.112.114	75.826.020.705
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		28.902.833.993	(68.954.454.477)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(6.755.350.979)	9.498.718.900
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		71.099.638	13.350.312.034
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.017.659.666	89.073.036
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(9.215.710.686)	(5.270.546.798)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(11.822.647.993)	(3.166.442.898)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(5.600.739.054)	(3.838.748.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		59.466.256.699	17.533.932.502
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(191.611.117.361)	(139.662.135.502)
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(150.000)
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		21.644.855.316	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và LN được chia	27		96.994.118	516.790.313
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(169.869.267.927)	(139.145.495.189)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		440.583.436.375	407.354.353.512
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(289.138.131.019)	(332.492.348.416)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(7.098.000)	(948.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		151.438.207.356	74.861.057.096
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		41.035.196.128	(46.750.505.591)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		6.209.854.889	52.907.470.412
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi NT	61		195.815.177	52.890.068
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		47.440.866.194	6.209.854.889

Người lập biểu

Đỗ Thị Ngọc Hồi

Kế toán trưởng

Trần Văn Hoan



Hải Dương, ngày 21 tháng 2 năm 2025

Tổng Giám đốc

Vũ Văn Chiến

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Năm 2024**I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 4 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 02 tháng 01 năm 2024 với mã số doanh nghiệp là 0800376530 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp.

Trụ sở chính của Công ty: Km28 + 100m, quốc lộ 18, phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, Hải Dương.

Vốn điều lệ của Công ty: 186.608.950.000 đồng.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong kỳ là sản xuất tro bay, gạch nhẹ chưng áp ACC, tấm panel, vữa khô trộn sẵn, keo dán gạch phục vụ cho ngành vật liệu xây dựng.

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng.

**5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính của Công ty được lập đảm bảo tính so sánh.

**6. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31/12/2024, số nhân viên của Công ty là 336 người, tại ngày 31/12/2023 là 319 người.

**II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán****1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán thường niên của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ trong kế toán là Đồng Việt Nam (ký hiệu quốc gia là “đ”; ký hiệu quốc tế là “VND”).

**III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng****1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.



**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

**IV. Các chính sách kế toán áp dụng****1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Công ty có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ thực hiện ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính theo một đơn vị tiền tệ thống nhất là Đồng Việt Nam. Việc quy đổi đồng ngoại tệ ra Đồng Việt Nam căn cứ vào:

- Tỷ giá giao dịch thực tế;
- Tỷ giá ghi sổ kế toán.

**2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản tiền do doanh nghiệp khác và cá nhân ký cược, ký quỹ tại Công ty được quản lý và hạch toán như tiền của Công ty.

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, ngoại tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo nguyên tắc: Bên Nợ các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế; Bên Có các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, số dư được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế, cụ thể: Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi đánh giá lại số dư tiền mặt, tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính****Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết**

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm. Mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế.

**Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Hoặc mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế khi không xác định được giá trị thị trường.



#### 4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, như: Phải thu về bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý, nhượng bán tài sản (TSCĐ, BĐSĐT, các khoản đầu tư tài chính) giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, như:

- Các khoản phải thu tạo ra doanh thu hoạt động tài chính, như: khoản phải thu về lãi cho vay, tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia;
- Các khoản chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại; Các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác;
- Các khoản phải thu không mang tính thương mại như cho mượn tài sản, phải thu về tiền phạt, bồi thường, tài sản thiếu chờ xử lý...

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Các chỉ tiêu phải thu của Bảng cân đối kế toán có thể bao gồm cả các khoản được phản ánh ở các tài khoản khác ngoài các tài khoản phải thu, như: Khoản cho vay được phản ánh ở TK 1283; Khoản ký quỹ, ký cược phản ánh ở TK 244, khoản tạm ứng ở TK 141...

Các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải thu có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do Công ty tự lựa chọn khi giao dịch với đối tượng phải thu).

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08/08/2019.

Việc xác định các khoản cần lập dự phòng phải thu khó đòi được căn cứ vào các khoản mục được phân loại là phải thu ngắn hạn, dài hạn của Bảng cân đối kế toán. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

#### 5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

##### Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho của Công ty là những tài sản được mua vào để sản xuất hoặc để bán trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường.

Đối với sản phẩm dở dang, nếu thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường thì không trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà trình bày là tài sản dài hạn.

Các loại sản phẩm, hàng hóa, vật tư, tài sản nhận giữ hộ, nhận ký gửi, nhận ủy thác xuất nhập khẩu, nhận gia công... không thuộc quyền sở hữu và kiểm soát của Công ty thì không phản ánh là hàng tồn kho.

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

##### Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

##### Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

##### Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.



**6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ****Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao TSCĐ của Công ty được ước tính phù hợp và thực hiện theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Chi tiết như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 35 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 25 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 30 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý và tscđ khác	05 năm

Chênh lệch giữa thu thuần do thanh lý nhượng bán với giá trị còn lại của TSCĐ được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- (i) Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);
- (ii) Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ:
  - Các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả;
  - Các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; Các khoản tiền bên nhận ủy thác nhận của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu;
  - Các khoản phải trả không mang tính thương mại như phải trả do mượn tài sản, phải trả về tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chờ xử lý, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ...

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là ngắn hạn hoặc dài hạn.

Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải trả có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do Công ty tự lựa chọn khi giao dịch với đối tượng phải trả).



**9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay**

Các khoản vay, nợ thuê tài chính có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn... được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

**10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng TSCĐ, BĐSĐT, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

Các khoản chi phí phải trả phải sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế sẽ được hoàn nhập.

**12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu****Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

**Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối**

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu****Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

**Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**Thu nhập khác**

Phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất (ví dụ thu tiền bảo hiểm được bồi thường, tiền đền bù di dời cơ sở kinh doanh và các khoản có tính chất tương tự);
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ;
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

**14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

Các khoản chi phí giá vốn hàng bán không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

**15. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản chi phí tài chính không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.



**16. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí bán hàng bao gồm: Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

Các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

**17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành****Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

**18. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác****18.1. Công cụ tài chính***Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**18.2. Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.



## V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: VND

## 1. Tiền

	31/12/2024	01/01/2024
Tiền mặt tại quỹ	1.028.318.126	1.435.967.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	41.412.548.068	4.773.887.889
Các khoản tương đương tiền	5.000.000.000	-
	<b>47.440.866.194</b>	<b>6.209.854.889</b>

## 2. Các khoản đầu tư tài chính

## Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>				
Công ty Cổ phần Bê tông Vĩnh Tân (1)	-	-	1.200.000.000	-
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>				
Công ty Cổ phần Thạch cao Đình Vũ (2)	-	-	21.191.600.000	(1.481.519.630)
Quỹ tín dụng Phả Lại (3)	800.450.000	-	800.450.000	-
	<b>800.450.000</b>	<b>-</b>	<b>23.192.050.000</b>	<b>(1.481.519.630)</b>

## Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư của Công ty vào ngày 31/12/2024 như sau:

- (1) Khoản đầu tư với tỷ lệ vốn nắm giữ là 48%, tỷ lệ quyền biểu quyết là 40%. Công ty CP Bê tông Vĩnh Tân đã hoàn thành các thủ tục để giải thể theo quy định pháp luật và chưa hoàn trả lại khoản vốn góp còn lại cho các cổ đông.
- (2) Khoản đầu tư với tỷ lệ vốn nắm giữ tại 01/01/2024 là 16,38%. Trong kỳ Công ty đã chuyển nhượng hết phần vốn sở hữu tại Công ty này theo Hợp đồng mua bán cổ phần ngày 07/02/2024 giữa các cổ đông của Công ty Cổ phần Thạch cao Đình Vũ và các Nhà đầu tư.
- (3) Khoản đầu tư với tỷ lệ vốn nắm giữ là 9,95%.
- (\*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trên báo cáo tài chính vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có hướng dẫn chi tiết về cách tính giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

## 3. Phải thu của khách hàng

	31/12/2024	01/01/2024
<b>Ngắn hạn</b>		
Công ty TNHH Trọng Phóng	13.232.336.472	5.535.528.721
Philcement Corporation	4.190.895.091	9.656.006.780
Công ty Cổ phần Phát triển và Đầu tư Xây dựng Vincons	38.076.338.880	70.424.256.226
Công ty Cổ phần Vạn Thiên An	3.285.955.197	2.668.873.164
Công ty TNHH Tập đoàn Xây dựng Delta	2.044.504.216	2.849.742.670
Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng T.M.T	-	1.223.035.345
Các đối tượng khác	17.242.838.362	15.276.923.850
	<b>78.072.868.218</b>	<b>107.634.366.756</b>

## 4. Trả trước cho người bán

	31/12/2024	01/01/2024
<b>Ngắn hạn</b>		
Công ty Cổ phần Kinh doanh Quốc tế Đại Việt	10.269.630.000	4.238.917.221
Công ty Cổ phần Gemtec	-	4.815.374.636
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Cường Dũng	-	2.132.233.675
Công ty TNHH Geotech	1.441.272.900	756.591.700
Công ty Cổ phần Madini	1.203.120.000	-
Các đối tượng khác	2.336.490.128	5.545.687.316
	<b>15.250.513.028</b>	<b>17.488.804.548</b>

## 5. Phải thu khác

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>				
Tạm ứng (*)	555.729.583	-	81.251.241	-
<b>Phải thu khác</b>	<b>2.859.395.029</b>	<b>274.045.630</b>	<b>530.317.050</b>	-
Công ty CP Thạch Cao Đình Vũ (1)	783.519.842	-	-	-
Công ty CP Bê tông Vĩnh Tân (2)	925.954.370	274.045.630	-	-
Các khoản khác	1.149.920.817	-	530.317.050	-
	<b>3.415.124.612</b>	<b>274.045.630</b>	<b>611.568.291</b>	-

(\*) Các khoản tạm ứng cho CBCNV, mục đích tạm ứng: Tạm ứng chi phí phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

(1) Giá trị còn phải thu Công ty Cổ phần Thạch Cao Đình Vũ theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 07/02/2024.

(2) Theo thông báo về việc giải thể doanh nghiệp ngày 23/12/2024 của Công ty CP Bê tông Vĩnh Tân, Doanh nghiệp đã thanh toán hết các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác, không có tranh chấp nào cần giải quyết. Trên cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp đã chuyển tình trạng giải thể. Tại báo cáo số 30/BCTLTS.VTCR ngày 23/12/2024 gửi Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh Bình Thuận. Hội đồng quản trị đã tiến hành thanh lý tài sản và chỉ còn 2.314.885.924 đồng tiền mặt dự định sẽ trả lại cho các cổ đông theo tỷ lệ góp vốn. Tới thời điểm hiện tại Công ty CP Sông Đà Cao Cường vẫn chưa nhận được khoản tiền nêu trên.



**6. Nợ quá hạn**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
Công ty cổ phần thạch cao GYPRO Việt Nam	929.500.000	-	929.500.000	-
Phạm Thị Anh	1.236.061.593	618.030.796	-	-
Công ty TNHH Kaola Việt Nam	960.727.831	480.363.915	-	-
CMC/ITD/SONGDA Jont venture Laos Nam theun 1 hydropower	377.622.000	-	377.622.000	-
Công ty TNHH Vật Liệu công nghệ An Hưng	417.627.493	208.813.746	-	-
Các khách hàng khác	2.057.961.925	351.203.820	1.360.881.924	-
	<b>5.979.500.842</b>	<b>1.658.412.277</b>	<b>2.668.003.924</b>	<b>-</b>

**7. Hàng tồn kho**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	16.277.023.544	-	11.519.275.858	-
Công cụ, dụng cụ	162.688.066	-	118.102.364	-
Chi phí SXKD dở dang	-	-	322.011.000	-
Thành phẩm	7.783.263.452	-	5.508.234.861	-
	<b>24.222.975.062</b>	<b>-</b>	<b>17.467.624.083</b>	<b>-</b>

Toàn bộ hàng tồn kho của Công ty được dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng khung thế chấp tài sản số 02/2024/1605829/HĐBĐ ngày 29/3/2024 giữa Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Bắc Hải Dương.

**8. Chi phí trả trước****8.1. Ngắn hạn**

	31/12/2024	01/01/2024
Công cụ dụng cụ	590.244.272	337.389.579
Chi phí sửa chữa	1.208.522.265	530.750.159
Tiền thuê MB Cảng Vĩnh Tân	1.411.200.000	1.411.200.000
Bảo hiểm	86.599.641	-
Chi phí trả trước khác	369.108.489	177.685.009
	<b>3.665.674.667</b>	<b>2.457.024.747</b>

**8.2. Dài hạn**

Công cụ dụng cụ	722.740.756	2.273.036.735
Chi phí đền bù, GPMB	4.568.677.037	4.750.149.621
Tiền thuê đất	945.430.923	1.163.607.291
Chi phí sửa chữa	188.726.872	495.247.512
Chi phí trả trước khác	33.500.000	3.344.015

	<b>6.459.075.588</b>	<b>8.685.385.174</b>
--	----------------------	----------------------

**9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình****Phụ lục số 01****10. Tài sản dở dang dài hạn****Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>31/12/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
Dự án hệ thống silo chứa tro bay và xuất hàng tại Vĩnh Tân	-	87.997.309.267
Nhà máy xử lý tro xỉ Vĩnh Tân 2	155.519.082.072	18.534.090.276
Chi phí cải tạo và lắp đặt lò sấy, tuyến tro bay	4.738.007.927	8.743.696.677
Cải tạo, sửa chữa, mở rộng, lắp đặt thiết bị Nhà máy vữa	817.844.793	3.562.679.414
Xây dựng cơ bản dở dang NM gạch AAC	56.506.967	-
Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị NM gạch	5.474.444.092	-
Chi phí thí nghiệm cấu kiện bê tông Vĩnh Tân & gia công thiết bị dc phân tách	3.625.205.603	3.625.205.603
Chi phí XD CB nhà mẫu Panel (sản phẩm mới)	1.554.968.300	-
Chi phí đầu tư XD CB	1.591.570.500	-
Chi phí cải tạo, nâng cấp lò hơi 8 tấn (Nhà máy gạch)	-	1.576.846.046
	<b>173.377.630.254</b>	<b>124.039.827.283</b>

**11. Phải trả người bán****Ngắn hạn**

	<b>Giá trị và số có khả năng trả nợ</b>	
	<b>31/12/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
Công ty TNHH Long Thành Hải	41.052.497	1.346.966.049
Công ty TNHH MTV Nghĩa Vinh	1.664.945.975	89.731.416
Công ty CP Nhiệt Điện Phả Lại	2.701.954.496	915.745.520
Công ty cổ phần Vạn Thiên An	1.281.124.385	820.108.800
Công ty TNHH xuất nhập khẩu quốc tế LS	309.485.920	1.132.051.564
Công ty TNHH thương mại và DV vận tải Lợi Lộc	870.281.213	2.178.863.237
Công ty TNHH Song Anh ETC	1.280.884.000	625.824.000
Công ty TNHH thương mại Nhật Linh	184.907.398	3.584.639.723
CÔNG TY TNHH Orient Wealth	5.502.121.408	636.421.088
Công Ty TNHH Vận Tải Và Thương Mại Phúc Thịnh	552.646.000	4.966.544.000
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại An Phát BG	3.828.068.336	2.413.584.201
Công ty CP thương mại và dịch vụ TP 26	274.642.138	3.677.893.400
Công ty CP TK Holdings	2.850.408.360	4.844.728.800
Các khách hàng khác	22.179.955.244	16.371.650.414

**Bên liên quan**

Công ty CP Công nghiệp - Dịch vụ Cao Cường	626.712.329	-
	<b>44.149.189.699</b>	<b>43.604.752.212</b>



**12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước****12.1. Phải nộp**

	31/12/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	01/01/2024
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	430.919.342	430.919.342	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	245.800	245.800	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.036.276.303	7.036.276.303	11.822.647.993	11.822.647.993
Thuế thu nhập cá nhân	35.726.736	531.812.455	518.473.172	22.387.453
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	44.620.000	44.620.000	-
	<b>7.072.003.039</b>	<b>8.046.873.900</b>	<b>12.819.906.307</b>	<b>11.845.035.446</b>

**12.2. Phải thu**

	31/12/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	01/01/2024
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	448.190.382	231.551.144	218.176.368	461.565.158
	<b>448.190.382</b>	<b>231.551.144</b>	<b>218.176.368</b>	<b>461.565.158</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**13. Chi phí phải trả**

	31/12/2024	01/01/2024
<b>Ngắn hạn</b>		
Chi phí lãi vay phải trả	257.533.341	162.931.729
	<b>257.533.341</b>	<b>162.931.729</b>

**14. Phải trả khác**

	31/12/2024	01/01/2024
<b>Ngắn hạn</b>		
Kinh phí công đoàn	96.826.080	39.563.880
Cổ tức phải trả	763.828.928	770.926.928
	<b>860.655.008</b>	<b>810.490.808</b>

**15. Vay và nợ thuê tài chính****15.1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	31/12/2024	Tăng	Giá trị và số có khả năng trả nợ Giảm	01/01/2024
<b>Ngân hàng</b>				
BIDV - Chi nhánh Bắc Hải Dương (1)	110.561.150.482	299.826.091.451	272.138.131.019	82.873.190.050
<b>Doanh nghiệp</b>				
<b>Vay nợ DH đến hạn trả</b>				
BIDV - Chi nhánh Bắc Hải Dương (2)	23.600.000.000	23.600.000.000	6.800.000.000	6.800.000.000
	<b>134.161.150.482</b>	<b>323.426.091.451</b>	<b>278.938.131.019</b>	<b>89.673.190.050</b>

## 15.2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Giá trị và số có khả năng trả nợ			
	31/12/2024	Tăng	Giảm	01/01/2024
<b>Vay ngân hàng</b>				
BIDV - Chi nhánh Bắc Hải Dương (2)	99.245.931.236	90.757.344.924	33.800.000.000	42.288.586.312
Công ty CP công nghiệp dịch vụ Cao Cường (3)	50.000.000.000	50.000.000.000	-	-
	<b>149.245.931.236</b>	<b>140.757.344.924</b>	<b>33.800.000.000</b>	<b>42.288.586.312</b>

**Thông tin liên quan đến các khoản vay tại 31/12/2024**

(1) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hải Dương theo Hợp đồng số 01/2024/1605829/HĐTD ngày 23/3/2024, hạn mức tín dụng 130 tỷ đồng, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Khoản vay được thế chấp bằng những tài sản sau:

- Toàn bộ nguyên vật liệu đầu vào, vật tư, bán thành phẩm, thành phẩm... dùng để sản xuất, trao đổi, mua bán, cho thuê và toàn bộ hàng hóa trong kho tại các kho sản xuất của Công ty theo Hợp đồng 02/2024/1605829/HĐBĐ ngày 29/03/2024. Giá trị tài sản thế chấp tại thời điểm ký hợp đồng là 10.000.000.000 đồng.

- Các khoản phải thu của Bên thế chấp phát sinh theo toàn bộ các Hợp đồng trong phạm vi hoạt động sản xuất kinh doanh, tổng giá trị tài sản thế chấp tại thời điểm ký hợp đồng là 107.634.366.756 đồng theo Hợp đồng 01/2024/1605829/HĐBĐ ngày 29/03/2024.

- Máy móc thiết bị theo Điều 2 theo Hợp đồng 05/2024/1605829/HĐBĐ ngày 29/03/2024, tổng giá trị tài sản máy móc thiết bị thế chấp là 41.085.215.000 đồng.

- Hợp đồng thế chấp tài sản 06/2024/1605829/HĐBĐ ngày 29/03/2024, tài sản thế chấp gồm 3 xe ô tô với tổng giá trị thế chấp là 2.450.000.000 đồng.

(2) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hải Dương theo 02 Hợp đồng tín dụng hạn mức:

(2.1) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 02/2023/1605829/HĐTD ngày 20/04/2023, số tiền vay 65 tỷ đồng nhưng không quá 61,45% tổng mức đầu tư (đã bao gồm VAT) của dự án số 01/2023/1605829/HĐTD ngày 20 tháng 04 năm 2023, thời hạn vay 84 tháng, mục đích vay để thanh toán các chi phí hợp lệ, hợp phát để thực hiện dự án xây dựng hệ thống kho chứa hàng và xuất hàng tại cảng Vĩnh Tân. Lãi suất trong năm từ 9,5%/năm đến 10,5%/năm. Khoản vay được bảo đảm bằng:

- Tài sản hình thành trong tương lai: Phần thiết bị công nghệ, xe máy phục vụ sản xuất, trang bị văn phòng và phần điện thuộc hệ thống kho chứa hàng và xuất hàng tại cảng Vĩnh Tân của Công ty;

- Tài sản gắn liền đất hình thành trong tương lai thuộc dự án đầu tư: Xây dựng hệ thống kho chứa hàng và xuất hàng tại cảng Vĩnh Tân, địa chỉ: Bãi sau cầu cảng số 1 của Cảng Quốc tế Vĩnh Tân tại thôn Vĩnh Phúc, xã Vĩnh Tân, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận của Công ty thuê của Công ty Cổ phần Cảng quốc tế Vĩnh Tân theo Hợp đồng cho thuê số 120/2022/HĐ/VTIP - SCL ngày 28/07/2022;

- Quyền, quyền sở hữu và lợi ích đối với các tài sản sau:



Quyền hưởng các khoản lợi, lợi tức thu được từ việc kinh doanh, khai thác giá trị của kho bãi, quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng thuê kho bãi số 120/2022/HĐ/VTIP- SCL kí 28/07/2022 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Cảng Vĩnh Tân, bao gồm nhưng không giới hạn ở các quyền sau: Quyền sở hữu công trình trên kho bãi, quyền được sử dụng các dịch vụ hạ tầng;

Quyền đòi nợ, quyền yêu cầu thanh toán, quyền được bồi thường thiệt hại, quyền thụ hưởng bảo hiểm, quyền chuyển nhượng hợp đồng, các quyền tài sản khác phát sinh từ Hợp đồng thuê kho bãi;

Tất cả quyền, lợi tức, lợi ích, các khoản bồi hoàn (kể cả do tài sản bị thiệt hại do lỗi của bên thứ ba), các khoản thanh toán khác và tài sản khác mà Công ty được nhận hoặc sẽ được nhận để thay thế cho, thuộc về hoặc liên quan đến, và mọi tài sản thuộc mọi tính chất và chủng loại nhằm trao đổi, thay đổi hoặc thay thế cho, bất kỳ quyền và tài sản nào được đề cập phía trên.

(2.2) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 03/2023/1605829/HĐTD ngày 11/10/2023 số tiền vay 135 tỷ đồng nhưng không vượt quá 68,96% tổng mức đầu tư thực tế (đã bao gồm VAT) của dự án đầu tư dây chuyền phân tách tro xỉ tại Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân, thời hạn vay 72 tháng, mục đích vay để thanh toán các chi phí hợp lệ, hợp pháp phục vụ dự án. Lãi suất trong năm là 9,5 %/ năm. Khoản vay được bảo đảm bằng:

- Tài sản hình thành trong tương lai từ vốn vay và vốn tự có thuộc dự án đầu tư: Dây chuyền phân tách tro xỉ tại bãi xỉ Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân tại xã Vĩnh Tân, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận của Công ty;
- Tài sản gắn liền đất hình thành trong tương lai thuộc dự án đầu tư: Dây chuyền phân tách tro xỉ tại bãi xỉ nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân tại xã Vĩnh Tân, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận;
- Tài sản hình thành trong tương lai: Phần thiết bị cơ - công nghệ; phần thiết bị điều khiển, thiết bị, máy phục vụ cho sản xuất, trang thiết bị thuộc dự án đầu tư: Dây chuyền phân tách tro xỉ Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh tân tại xã Vĩnh Tân, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận của Công ty.

(3) Hợp đồng vay tiền số 268/HĐV/SCL-DVCC ngày 6/8/2024 giữa Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ Cao Cường và Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường. Số tiền vay 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ). Mục đích vay bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động đầu tư của công ty trong năm 2024. Thời hạn vay 24 tháng. Lãi suất cho vay 7,5%/năm. Trả nợ gốc một lần hoặc nhiều lần nhưng không chậm hơn thời hạn đáo hạn của khoản vay, bên vay được phép trả trước hạn nhưng không phải chịu phí phạt. Số dư tại ngày 31/12/2024 là 50.000.000.000 đồng.

16. **Vốn chủ sở hữu**

16.1. **Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

**Phụ lục số 02**

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 336/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2024, Công ty thực hiện việc phân phối lợi nhuận như sau:

**Phân phối lợi nhuận**

Quỹ đầu tư phát triển  
Quỹ phúc lợi  
Quỹ khen thưởng  
Thưởng ban điều hành  
Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu

**Tổng phân phối lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
2.194.000.000	798.386.600	
4.388.000.000	1.596.773.200	
2.194.000.000	798.386.600	
3.072.000.000	798.386.600	
37.731.262.318	13.820.070.000	
<b>49.579.262.318</b>	<b>17.812.003.000</b>	



16.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	31/12/2024		01/01/2024	
	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị
Ông Kiều Văn Mát	11,82	22.056.310.000	10,94	20.421.917.727
Ông Nguyễn Anh Dũng	3,59	6.694.920.000	5,47	10.199.727.586
Bà Kiều Thị Nhung	7,56	14.111.660.000	7,00	13.066.295.106
Công ty Cổ phần Công nghiệp Dịch vụ Cao Cường	12,81	23.900.900.000	11,86	22.130.799.750
Các đối tượng khác	64,22	119.845.160.000	64,73	120.790.209.831
	100,00	186.608.950.000	100,00	186.608.950.000

16.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm 2024	Năm 2023
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	186.608.950.000	172.788.880.000
Vốn góp tăng trong năm	-	13.820.070.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	186.608.950.000	186.608.950.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia (*)	-	-

(\*) Việc chi trả cổ tức được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 336/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2024, Công ty dự kiến chi trả cổ tức bằng cổ phiếu, lợi nhuận dự kiến chia cổ tức là 37.731.262.318 đồng. Đến thời điểm hiện tại, Công ty vẫn chưa có quyết định, chưa chốt được danh sách cổ đông và thông báo chi trả cổ tức cho cổ đông.

16.4. Cổ phiếu	31/12/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.660.895	18.660.895
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	18.660.895	18.660.895
Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	18.660.895	18.660.895
Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

16.5. Các quỹ của doanh nghiệp	31/12/2024	01/01/2024
Quỹ đầu tư phát triển	15.901.168.560	13.707.168.560

17. Nguồn kinh phí	Năm 2024	Năm 2023
Nguồn kinh phí được cấp	18.252.375.500	18.252.375.500
Chi sự nghiệp	(18.407.319.340)	(18.407.319.340)
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	(154.943.840)	(154.943.840)

Nghiên cứu hoàn thiện công nghệ thiết kế, chế tạo dây chuyền xử lý Phostphogypsum (PG) của DAP Đình Vũ làm phụ gia cho xi măng và nguyên liệu để sản xuất tấm thạch cao Xây dựng. Mã số đề tài ĐTĐLCN.67/15 theo quyết định số 91/QĐ-KHCN ngày 20/01/2016 của Bộ khoa học công nghệ về việc "Phê duyệt tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm, kinh phí và thời gian thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia".



**18. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán****18.1. Ngoại tệ các loại**

	31/12/2024	01/01/2024
Tiền USD	357.443,20	29.857,83
Tiền EUR		

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

Đơn vị tính: VND

**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2024	Năm 2023
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	427.718.279.682	478.963.103.604
	<b>427.718.279.682</b>	<b>478.963.103.604</b>

**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm 2024	Năm 2023
Chiết khấu thương mại	19.340.472.389	5.485.921.354
	<b>19.340.472.389</b>	<b>5.485.921.354</b>

**3. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2024	Năm 2023
Giá vốn hàng hóa và dịch vụ đã cung cấp	276.976.491.453	305.766.708.855
	<b>276.976.491.453</b>	<b>305.766.708.855</b>

**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2024	Năm 2023
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	50.570.885	455.955.813
Lãi chênh lệch tỷ giá	318.410.836	7.944.432
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá cuối năm	226.357.414	52.890.068
Cổ tức, lợi nhuận được chia	54.752.000	218.107.320
Doanh thu khác	-	100.000
	<b>650.091.135</b>	<b>734.997.633</b>

**5. Chi phí tài chính**

	Năm 2024	Năm 2023
Lãi tiền vay	9.310.312.298	5.278.063.613
Lỗ chênh lệch tỷ giá	36.040.301	536.107.068
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	(1.207.474.000)	(585.980.951)
Lỗ đầu tư tài chính tại Thạch Cao Đình Vũ	237.270.472	-
	<b>8.376.149.071</b>	<b>5.228.189.730</b>

**6. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp****Các khoản chi phí bán hàng**

	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí nhân viên	3.792.305.901	2.448.016.080
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	219.578.606	1.590.122.109
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.932.299.973	1.012.715.820
Chi phí dịch vụ mua ngoài	60.426.705.988	79.250.415.745
Chi phí khác bằng tiền	1.562.600.618	714.322.830
	<b>69.933.491.086</b>	<b>85.015.592.584</b>

**Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí nhân viên quản lý	10.534.652.049	11.139.784.838
Chi phí vật liệu quản lý	1.068.918.405	1.051.423.767
Chi phí khấu hao TSCĐ	611.038.022	644.475.531
Chi phí - Thuế, phí và lệ phí	628.000.706	3.000.000
Chi phí dự phòng	1.653.084.641	1.675.687.202
Chi phí dịch vụ mua ngoài	470.448.397	714.579.049
Chi phí bằng tiền khác	7.591.090.049	7.826.941.552
	<b>22.557.232.269</b>	<b>23.055.891.939</b>

**7. Thu nhập khác**

	Năm 2024	Năm 2023
Thu nhập từ tiền đôi nhật	2.438.416.943	1.604.882.379
Các khoản khác	258.964.940	379.708.011
	<b>2.697.381.883</b>	<b>1.984.590.390</b>

**8. Chi phí khác**

	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí thuê máy xúc phá dỡ xưởng bột	-	2.017.050
Chi phí khấu hao TSCĐ, phân bổ CCDC không phục vụ SXKD	107.377.693	21.792.980
Chi phí thuê đất và VAT không được trừ tại nhà máy tro bay	-	688.291.715
Chi phí gia công thiết bị nhà máy Thạch cao Đình Vũ	-	268.108.000
Chi phí phạt hợp đồng	172.104.653	-
Các khoản khác	6.583	439.974.900
	<b>279.488.929</b>	<b>1.420.184.645</b>

**9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	214.563.565.550	234.757.583.490
Chi phí nhân công	45.438.369.497	41.424.871.535
Chi phí khấu hao tài sản cố định	25.685.036.925	14.414.719.732
Chi phí dịch vụ mua ngoài	89.365.348.853	96.132.552.971
Chi phí khác bằng tiền	9.933.749.132	24.681.495.576
Chi phí dự phòng	1.653.084.641	1.675.687.202
	<b>386.639.154.598</b>	<b>413.086.910.506</b>



**10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2024	Năm 2023
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	33.602.427.503	55.710.202.520
Các khoản điều chỉnh tăng	1.860.063.428	3.493.587.214
Khấu hao TSCĐ do ngừng hoạt động và vượt định mức	172.901.527	264.701.162
Thù lao HĐQT, BKS không chuyên trách	357.773.241	308.000.000
Chi phí thuế đất và thuế GTGT tại nhà máy tro bay	1.329.388.660	2.067.500.581
Chi phí khác	-	853.385.471
Các khoản điều chỉnh giảm	281.109.414	90.549.768
Lãi chênh lệch tỷ giá cuối năm	226.357.414	29.615.268
Cổ tức được chia	54.752.000	60.834.500
Các khoản khác	-	100.000
Thu nhập tính thuế TNDN	35.181.381.517	59.113.239.966
Thuế TNDN (20%)	7.036.276.303	11.822.647.993
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>7.036.276.303</b>	<b>11.822.647.993</b>

**11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2024	Năm 2023
Lợi nhuận thuần sau thuế	26.566.151.200	43.887.554.527
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	26.566.151.200	43.887.554.527
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	9.654.000.000
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	18.660.895	17.343.255
	<b>1.424</b>	<b>1.974</b>

(\*) Công ty chưa có cơ sở để tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2024.

**12. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2024	Năm 2023
Lợi nhuận thuần sau thuế	26.566.151.200	43.887.554.527
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	26.566.151.200	43.887.554.527
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	9.654.000.000
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	18.660.895	17.343.255
Cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	3.773.126	-
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>1.184</b>	<b>1.974</b>

(\*) Công ty chưa có cơ sở để tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2024.

**VII. Những thông tin khác****1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

**2. Thông tin về các bên liên quan****2.1. Danh sách các bên liên quan****Bên liên quan**

Công ty Cổ phần Công nghiệp Dịch vụ Cao Cường  
 Quỹ tín dụng Phả Lại  
 Công ty Cổ phần Thạch Cao Đình Vũ  
 Công ty Cổ phần Bê tông Vĩnh Tân  
 Thành viên HĐQT, Ban TGD, Kế toán trưởng

**Mối quan hệ**

Cổ đông góp vốn  
 Khoản đầu tư khác  
 Khoản đầu tư khác  
 Khoản đầu tư liên doanh, liên kết  
 Thành viên quản lý chủ chốt

2.2. Trong kỳ Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau

Nội dung/ Bên liên quan	Năm 2024	Năm 2023
<b>Công ty Cổ phần Công nghiệp Dịch vụ Cao Cường</b>		
Mua hàng hóa, dịch vụ	1.123.054.014	1.522.955.000
Trả tiền mua hàng hóa, dịch vụ	1.047.848.800	2.178.321.424
Vay dài hạn	50.000.000.000	-
Phải trả lãi vay	1.520.547.946	-
Lãi vay đã trả	893.835.617	-
<b>Quỹ tín dụng Phả Lại</b>		
Nhận tiền cổ tức	54.752.000	60.834.500
<b>Công ty Cổ phần Thạch Cao Đình Vũ</b>		
Thoái vốn đầu tư	21.191.600.000	-
<b>Công ty CP Bê tông Vĩnh Tân</b>		
Giải thể	1.200.000.000	-

2.3. Giao dịch với các bên liên quan khác như sau

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt	Năm 2024	Năm 2023
Tiền lương, thưởng	3.075.889.423	2.403.089.421
Thù lao	1.440.000.000	444.000.000
	<b>4.515.889.423</b>	<b>2.847.089.421</b>

Chi tiết thu nhập các thành viên quản lý chủ chốt năm 2024:

Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương, thưởng	Thù lao	Tổng thu nhập
Ông Kiều Văn Mát	Chủ tịch HĐQT	330.000.000	720.000.000	1.050.000.000
Ông Nguyễn Hồng Quyền	Thành viên HĐQT	42.000.000	96.000.000	138.000.000
Ông Kiều Quang Vọng	Thành viên HĐQT	280.000.000	96.000.000	376.000.000
Ông Nguyễn Anh Dũng	Thành viên HĐQT	170.000.000	96.000.000	266.000.000
Ông Nguyễn Ánh Hồng	Thành viên HĐQT	42.000.000	96.000.000	138.000.000
Ông Vũ Văn Chiến	Tổng Giám đốc	1.000.000.000	-	1.000.000.000
Ông Phạm Văn Thư	Phó Tổng Giám đốc	547.401.442	-	547.401.442
Ông Trần Văn Hoan	Kế toán trưởng	470.672.596	-	470.672.596
Ông Đào Xuân Quỳnh	Trưởng BKS	44.000.000	192.000.000	236.000.000
Bùi Thị Vê	Thành viên BKS	-	48.000.000	48.000.000
Nguyễn Thị Thu Hoài	Thành viên BKS	35.000.000	48.000.000	83.000.000
Nguyễn Hữu Lực	Thư ký	114.815.385	28.000.000	142.815.385
Bùi Thị Thanh Ngân	Thư ký	-	20.000.000	20.000.000
<b>Tổng cộng</b>		<b>3.075.889.423</b>	<b>1.440.000.000</b>	<b>4.515.889.423</b>

3. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Chúng tôi không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh trên Báo cáo tài chính bởi vì Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và kết luận rằng Công ty không có nhiều hơn một bộ phận để báo cáo theo quy định của Chuẩn mực kế toán. Công ty hiện chỉ đang hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp.

Hoạt động chủ yếu của Công ty được phân bổ trong nước và xuất khẩu. Công ty không thực hiện theo dõi các thông tin và kết quả kinh doanh, tài sản cố định, các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng.



Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

	Năm trước	Năm trước
Doanh thu thuần xuất khẩu	29.144.858.391	122.038.085.425
Doanh thu thuần trong nước	379.232.948.902	351.439.096.825
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>408.377.807.293</b>	<b>473.477.182.250</b>
	Năm trước	Năm trước
Giá vốn hàng xuất khẩu	9.048.822.803	64.330.514.573
Giá vốn hàng bán trong nước	267.927.668.650	241.436.194.282
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>276.976.491.453</b>	<b>305.766.708.855</b>

4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán. Một số chỉ tiêu được trình bày lại để đảm bảo tính so sánh thông tin.

Khoản mục	Mã số	Số đã trình bày trên BCTC năm 2023	Điều chỉnh hồi tố	Số trình bày lại trên BCTC năm 2024
<b>Bảng cân đối kế toán</b>				
<i>Tài sản</i>				
Phải thu ngắn hạn khác	136	19.018.887.631	(18.407.319.340)	611.568.291
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	1.045.824.747	1.411.200.000	2.457.024.747
Chi phí trả trước dài hạn	261	10.096.585.174	(1.411.200.000)	8.685.385.174
<i>Nguồn vốn</i>				
Phải trả ngắn hạn khác	319	19.062.866.308	(18.252.375.500)	810.490.808
Nguồn kinh phí	431	-	(154.943.840)	(154.943.840)
<b>Báo cáo kết quả kinh doanh</b>				
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	473.477.182.250	5.485.921.354	478.963.103.604
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	5.485.921.354	5.485.921.354
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	2.531	(557)	1.974
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	2.531	(557)	1.974

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu

Đỗ Thị Ngọc Hồi

Kế toán trưởng

Trần Văn Hoan

Hải Dương, ngày 21 tháng 2 năm 2025  
Tổng Giám đốc



Vũ Văn Chiến

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG**

Km28 + 100m, quốc lộ 18, phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, Hải Dương

**Báo cáo tài chính**cho năm tài chính kết thúc ngày  
31/12/2024**Phụ lục số 01****9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ QL	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư 01/01/2024	81.544.758.818	169.367.579.254	17.277.054.095	85.500.000	268.274.892.167
Mua trong năm	-	144.843.207.034	1.103.256.363	160.000.000	146.106.463.397
ĐT XDCB hoàn thành	5.970.621.285	-	-	-	5.970.621.285
Giảm khác	(3.377.431.624)	(6.395.338.668)	-	(31.000.000)	(9.803.770.292)
<b>Số dư 31/12/2024</b>	<b>84.137.948.479</b>	<b>307.815.447.620</b>	<b>18.380.310.458</b>	<b>214.500.000</b>	<b>410.548.206.557</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư 01/01/2024	38.365.465.105	81.872.551.644	10.779.830.876	39.790.319	131.057.637.944
Khấu hao trong năm	4.008.079.867	20.231.556.870	814.777.942	38.486.206	25.092.900.885
Giảm khác	(1.665.824.270)	(3.281.684.860)	-	(31.000.000)	(4.978.509.130)
<b>Số dư 31/12/2024</b>	<b>40.707.720.702</b>	<b>98.822.423.654</b>	<b>11.594.608.818</b>	<b>47.276.525</b>	<b>151.172.029.699</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày 01/01/2024	43.179.293.713	87.495.027.610	6.497.223.219	45.709.681	137.217.254.223
<b>Tại ngày 31/12/2024</b>	<b>43.430.227.777</b>	<b>208.993.023.966</b>	<b>6.785.701.640</b>	<b>167.223.475</b>	<b>259.376.176.858</b>

Nguyên giá cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 165.551.686.844 đồng  
 Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 127.860.688.756 đồng  
 Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 4.579.140.105 đồng



## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

Báo cáo tài chính

Km28 + 100m, quốc lộ 18, phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, Hải Dương

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

## Phụ lục số 02

## 16. Vốn chủ sở hữu

## 16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	LNST thuế chưa PP	Cộng
Số dư 01/01/2023	172.788.880.000	4.804.928.341	12.908.781.960	23.503.710.791	214.006.301.092
Tăng trong năm	13.820.070.000	-	798.386.600	-	14.618.456.600
Lãi/(lỗ) trong năm	-	-	-	43.887.554.527	43.887.554.527
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	(798.386.600)	(798.386.600)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(3.193.546.400)	(3.193.546.400)
Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	-	(13.820.070.000)	(13.820.070.000)
<b>Số dư 31/12/2023</b>	<b>186.608.950.000</b>	<b>4.804.928.341</b>	<b>13.707.168.560</b>	<b>49.579.262.318</b>	<b>254.700.309.219</b>
Số dư 01/01/2024	186.608.950.000	4.804.928.341	13.707.168.560	49.579.262.318	254.700.309.219
Tăng trong năm			2.194.000.000	-	2.194.000.000
Lãi/(lỗ) trong năm	-	-	-	26.566.151.200	26.566.151.200
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	(2.194.000.000)	(2.194.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(9.654.000.000)	(9.654.000.000)
<b>Số dư 31/12/2024</b>	<b>186.608.950.000</b>	<b>4.804.928.341</b>	<b>15.901.168.560</b>	<b>64.297.413.518</b>	<b>271.612.460.419</b>

